ISSN 1859 – 1000

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

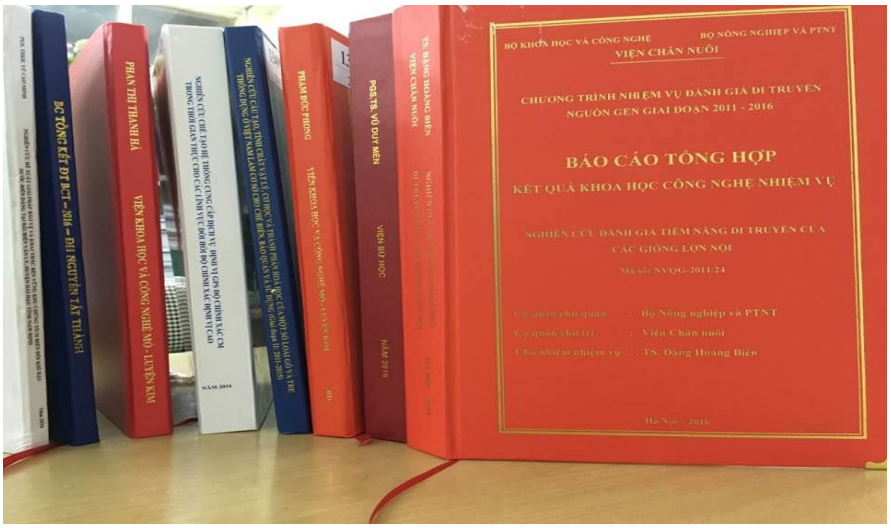

SỐ 6

2021

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Định kỳ 1số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban:	THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban:	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
Uỷ viên thư ký:	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	78

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".***

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: **http://sti.vista.gov.vn**. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thờithông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: *quanly@vista.gov.vn*

Website: http://www.vista.gov.vn/

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

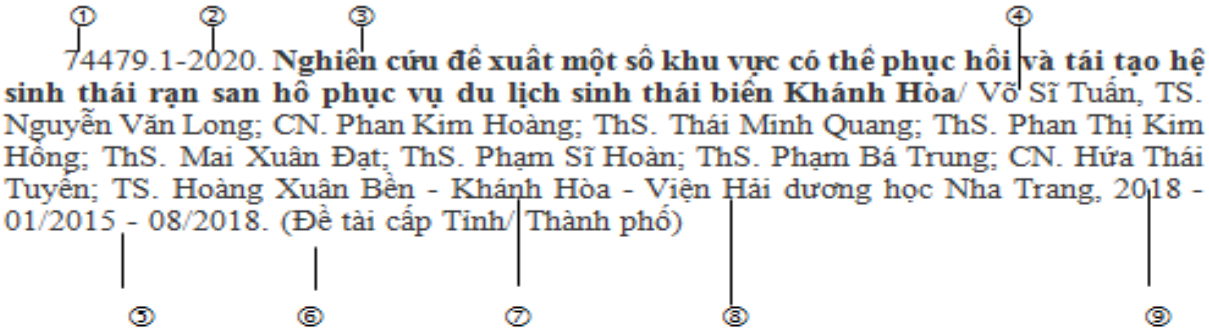

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

1. Khoa học tự nhiên 9

101. Toán học và thống kê 9

10101. Toán học cơ bản 9

10102. Toán học ứng dụng 9

10103. Thống kê 10

102. Khoa học máy tính và thông tin 10

10202. Khoa học thông tin 12

103. Vật lý 13

10305. Vật lý plasma và chất lỏng 13

104. Hóa học 14

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) .. 14

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan 14

10508. Trắc địa học và bản đồ học 14

106. Sinh học 15

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh 15

10616. Công nghệ sinh học 16

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ 16

201. Kỹ thuật dân dụng 17

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải 17

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi 18

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin 18

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. 20

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông 21

20205. Viễn thông 21

203. Kỹ thuật cơ khí 21

20302. Chế tạo máy nói chung 21

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp 22

20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ 24

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng 25

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng 25

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân 26

204. Kỹ thuật hóa học 26

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) 26

20403. Kỹ thuật hoá dược 27

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ 27

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim 28

20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu 29

20507. Vật liệu xây dựng 29

20508. Vật liệu điện tử 29

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác; 30

206. Kỹ thuật y học 30

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học 30

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc 32

207. Kỹ thuật môi trường 32

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật 33

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất 34

209. Công nghệ sinh học công nghiệp 35

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học..... 36

210. Công nghệ nano..... 36

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)..... 37

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác 38

3. Khoa học y, dược..... 42

302. Y học lâm sàng 42

30201. Nam học 42

30209. Gây mê 42

30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng..... 42

30219. Tiêu hoá và gan mật học 43

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư 43

30226. Lão khoa, Bệnh người già 44

30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền..... 44

303. Y tế..... 45

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) 45

30308. Bệnh truyền nhiễm 46

304. Dược học 46

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc 46

30404. Hoá dược học 47

305. Công nghệ sinh học trong y học..... 48

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc 48

4. Khoa học nông nghiệp 48
401. Trồng trọt 50
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm 50
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả 53
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc 53
402. Chăn nuôi 54
40201. Sinh lý và hoá sinh động vật nuôi 54
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi 55
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi 55
403. Thú y 56
40310. Vi rút học thú y 56
404. Lâm nghiệp 56
40402. Tài nguyên rừng 57
40404. Sinh thái và môi trường rừng 57
405. Thủy sản 58
40503. Bệnh học thuỷ sản 58
40504. Nuôi trồng thuỷ sản 58
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thuỷ sản 59
40506. Quản lý và khai thác thuỷ sản 59
5. Khoa học xã hội 60
501. Tâm lý học 61
502. Kinh tế và kinh doanh 61
50202. Kinh doanh và quản lý 63
503. Khoa học giáo dục 65
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. 65

50302. Giáo dục chuyên biệt 68

504. Xã hội học 68

50401. Xã hội học nói chung 68

50404. Dân tộc học 69

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội 70

505. Pháp luật 71

50501. Luật học 72

506. Khoa học chính trị 72

50602. Hành chính công và quản lý hành chính 73

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị 74

507. Địa lý kinh tế và xã hội 74

508. Thông tin đại chúng và truyền thông 75

599. Khoa học xã hội khác 75

6. Khoa học nhân văn 76

602. Ngôn ngữ học và văn học 76

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ 76

60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam 76

603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo 77

60305. Nghiên cứu tôn giáo 77

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

101. Toán học và thống kê

10101. Toán học cơ bản

74699. 06-2021. **Dáng điệu nghiệm của các bao hàm thức tiến hóa nửa tuyến tính**/ PGS.TS. Trần Đình Kế, TS. Đỗ Lân; TS. Nguyễn Văn Đắc - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính ổn định/ổn định yếu của nghiệm dừng của các bao hàm thức tiến hóa nửa tuyến tính trong không gian hữu hạn chiều và sự tồn tại tập hút toàn cục/tập hút lùi cho hệ động lực sinh bởi của các bao hàm thức tiến hóa nửa tuyến tính có trễ và các mô hình cụ thể của nó trong các bài toán điều khiển và bất đẳng thức vi biến phân. Tìm các lớp nghiệm tuần hoàn, đối tuần hoàn, nghiệm phân rã của các bao hàm thức tiến hóa nửa tuyến tính bậc nguyên/bậc phân số.

Số hồ sơ lưu: 16548

10102. Toán học ứng dụng

74688. 06-2021. **Phương pháp điểm bất động giải bài toán bất đẳng thức biến phân hai cấp và ứng dụng**/ PGS.TS. Phạm Ngọc Anh, TS. Nguyễn Đức Hiền; TS. Dương Việt Thông; ThS. Trần Thị Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Bích Ngọc - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đề xuất các thuật toán mới, có hiệu quả để giải bài toán bất đẳng thức biến phân hai cấp và ứng dụng của các thuật toán này vào việc giải các bài toán cân bằng hai cấp. Qua đó, các định lý hội tụ của các dãy lặp trong các thuật toán sẽ được đề xuất dưới các giả thiết đơn điệu, giả đơn điệu hoặc tựa đơn điệu của các ánh xạ giá với các tính toán minh họa.

Số hồ sơ lưu: 16555

74690. 06-2021. **Thuật toán hiệu quả cho bài toán vị trí ngược**/ TS. Nguyễn Trung Kiên, TS. Nguyễn Thư Hương; TS. Nguyễn Thanh Hùng - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm thuật toán hữu hiệu với thời gian tính toán đa thức để giải các bài toán ngược 1-median hoặc 1-center trên đồ thị đoạn. Chứng minh một số bài toán vị trí ngược 1-median có thứ tự với hàm mục tiêu không lồi là NP-khó hoặc tìm ra thuật toán hữu hiệu để giải quyết chúng. Bài toán sẽ được nghiên cứu trên các lớp đồ thị cây và chu trình. Tìm hiểu về tính chất của bài toán vị trí trí ngược với ràng buộc cắt-và-lắp. Qua đó, tìm các thuật toán đa thức để giải các bài toán này trên các lớp đồ thị khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 16551

74691. 06-2021. **Nghiên cứu thủy động lực học trong dòng chảy**/ PGS.TS. Trần Thu Hà,

GS.TSKH. Phạm Lợi Vũ; GS.TSKH. Dương Ngọc Hải; ThS. Nguyễn Hồng Phong; ThS. Trương Thị Phượng; ThS. Nguyễn Văn Tùng - Hà Nội - Viện Cơ học, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển mô hình tính dòng chảy ô nhiễm (sử dụng phương trình burger's) bằng cách xây đựng thêm mô hình sai số và ứng dụng phương pháp tối ưu biến phân để tăng độ chính xác của mô hình tính. Xây dựng và phát triển chương trình tính dòng chảy nước nông và chất lượng nước bằng phương pháp xấp xỉ godunove cải tiến để nâng cao độ chính xác của nghiệm số. Giải bài toán truyền sóng bằng phương pháp ngược tán xạ. Nghiên cứu các tính chất toán học và cơ học của bài toán dòng chảy và chuyển động của vật thể bằng cách chọn lọc các mô hình phù hợp có thể giải quyết được bằng tính toán.

Số hồ sơ lưu: 16554

10103. Thống kê

76688. 06-2021. **Một số vấn đề chọn lọc của lý thuyết xác suất và ứng dụng**/ TS. Nguyễn Văn Huấn, - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm Mở, 2019 - 09/2017 - 09/2029. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các vấn đề có tính thời sự của lý thuyết xác suất liên quan đến sự hội tụ của các biến ngẫu nhiên đơn trị, các biến ngẫu nhiên đa trị và các biến ngẫu nhiên nhận giá trị tập mờ với các điều kiện khác nhau. Một số định lý giới hạn trong xác suất không giao hoán (xác suất lượng tử) và ứng dụng copula nhiều chiều cũng sẽ được nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: HCM-067-2020

102. Khoa học máy tính và thông tin

75945. 06-2021. **Nghiên cứu các nguy cơ mất an toàn thông tin cá nhân trên các hệ thống thông tin trực tuyến và đề xuất giải pháp, chính sách quản lý**/ CN. Đỗ Hải Anh, CN. Nguyễn Quang Thắng; ThS. Nguyễn Tiến Đức; CN. Văn Thị Hoàng Ngân; ThS. Vũ Việt Hùng; KS. Nguyễn Văn Trưởng; ThS. Nguyễn Hoài Nam - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng báo cáo tổng quan và tập hợp các số liệu chi tiết hiện trạng và thực tiễn tình hình bảo vệ thông tin cá nhân tại Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu các nguy cơ gây mất an toàn thông tin cá nhân và tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế. Trên cơ sở đó, đánh giá các vấn đề cần thiết cho việc đề xuất, kiến nghị về giải pháp và chính sách quản lý đối với hoạt động bảo vệ thông tin cá nhân tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16839

75995. 06-2021. **Nghiên cứu, xây dựng thử nghiệm hệ thống nhận dạng cử chỉ tay người dựa trên nền tảng IoT**/ TS. Nguyễn Trọng Khánh, PGS.TS. Phạm Văn Cường; KS. Nguyễn Xuân Anh; KS. Đặng Phạm Thế Minh; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Linh - Hà Nội - Học viện Công nghệ

Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về bài toán nhận dạng cử chỉ tay động. Đề xuất áp dụng phương pháp học máy cho bài toán nhận dạng cử chỉ tay động. Thu thập dữ liệu, xây dựng và phát triển hệ thống nhận dạng cử chỉ tay động trong thời gian thực trên nền tảng/thiết bị IoT giới hạn về hiệu năng phần cứng. Thử nghiệm và đánh giá kết quả. Bên cạnh đó, hướng tới áp dụng phương pháp đề xuất để xây dựng hệ thống thử nghiệm nhận dạng hoạt động cánh tay trên các nền tảng/thiết bị IoT giới hạn về hiệu năng phần cứng.

Số hồ sơ lưu: 16880

76006. 06-2021. **Phát triển các kỹ thuật meta-heuristic giải các bài toán tối ưu trong các hệ thống phân tán và hệ thống phần mềm/** PGS.TS. Huỳnh Thị Thanh Bình, PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoài; TS. Nguyễn Xuân Thắng; TS. Ban Hà Bằng; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Bình; ThS. Phạm Đình Thành; TS. Phạm Văn Việt - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đóng góp cho việc nghiên cứu liên ngành về tính toán tiến hóa, tối ưu hóa tổ hợp, mạng cảm biến không dây, mạng kết nối vạn vật (IoT) và việc tối ưu khi xây dựng các ứng dụng trong hệ thống phân tán và phần mềm, tối ưu các tiêu chí trong các ứng dụng IoT. Nnghiên cứu về các kỹ thuật metaheuristic và ứng dụng giải các bài toán tối ưu tổ hợp, đặc biệt với việc ứng dụng các kết quả này trong các hệ thống phân tán và phần mềm. Đánh giá và kiểm thử tiến hóa dịch vụ trong các môi trường IoT. Các kết quả (phương pháp/thuật toán) mới có tính ứng dụng cao và có thể áp dụng vào giải các bài toán thực tiễn. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển nhóm nghiên cứu mạng trong nước.

Số hồ sơ lưu: 16855

76016. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống ứng dụng Blockchain bảo mật nội dung thông tin trong các cổng thông tin của cơ quan nhà nước/** TS. Nguyễn Trung Kiên, ThS. Hoàng Mạnh Thắng; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Đỗ Mạnh Hùng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lớp nguy cơ bảo mật thay đổi nội dung không mong muốn trong hệ thống cổng thông tin cơ quan nhà nước (CQNN). Nghiên cứu các biện pháp hạn chế nguy cơ này trong thực tế hiện nay và các tồn tại. Sự phù hợp của blockchain trong việc kiểm soát nguy cơ này và đề xuất phương án ứng dụng blockchain để cung cấp tiện ích kiểm soát thay đổi nội dung không mong muốn. Xây dựng hệ thống thử nghiệm, đánh giá kết quả và ưng dụng blockchain để giải quyết lớp nguy cơ bảo mật thay đổi nội dung không mong muốn trong các cổng thông tin của CQNN nhằm tìm ra cách khai thác các đặc tính ưu việt của công nghệ blockchain trong bài toán bảo

mật đối với nhóm nguy cơ xâm phạm tới tính toàn vẹn dữ liệu (Integrity) trong các hệ thống thông tin cung cấp nội dung thông tin trên mạng Internet.

Số hồ sơ lưu: 16879

76051. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ đăng ký cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin**/ KS. Bùi Thị Thủy, ThS. Nguyễn Minh Phúc; ThS. Lê Xuân Dũng; ThS. Hồ Viết Thắng; KS. Lê Minh Tuấn - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ưu điểm, nhược điểm của hoạt động đăng ký cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin trực tuyến qua cổng kết nối của Bộ TT&TT hiện nay. Kinh nghiệm quốc tế về các hoạt động trực tuyến hỗ trợ cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin. Các giải pháp cho thực trạng hoạt động đăng ký cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin hiện nay. Phân tích, thiết kế chức năng và xây dựng hệ thống hỗ trợ đăng ký cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin. Đánh giá khả năng áp dụng hệ thống, khả năng mở rộng và phát triển của hệ thống "Hỗ trợ đăng ký cấp phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin".

Số hồ sơ lưu: 16895

76053. 06-2021. **Cải tiến COCOMO dựa trên phân tích xu hướng của năng suất dự án và các nhân tố ảnh hưởng theo thời gian**/ TS. Nguyễn Văn Vũ, PGS.TS. Trần Đan Thư; TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền; GS.TS. Barry Boehm; PGS.TS. LiGuo Huang; ThS. Đặng Hoàng Hải; ThS. Nguyễn Minh Huy - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 03/2015 - 09/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích chuyên sâu về các xu hướng của năng suất và các nhân tố tác động. Định nghĩa và mô tả một độ đo để giải nghĩa tác động tổng hợp của các nhân tố năng suất. Mở rộng và hiệu mô hình COCOMO bằng cách xem xét các thay đổi của năng suất và các nhân tố tác động theo thời gian. Hiệu chỉnh mô hình COCOMO sử dụng cửa sổ di chuyển theo thời gian (dựa trên sự phân tích xu hướng năng suất) và mô hình COCOMO sử dụng cửa sổ di chuyển theo số dự án (dựa trên sự phân tích xu hướng năng suất).

Số hồ sơ lưu: 16902

10202. Khoa học thông tin

76594. 06-2021. **Nghiên cứu và xây dựng giải pháp tổng thể ngăn chặn tấn công từ chối dịch vụ bằng Botnet tại Việt Nam**/ TS. Võ Văn Khang, ThS. Trần Đắc Tốt; ThS. Nguyễn văn Tiến; ThS. Dương Hiển Vinh; ThS. Võ Minh Thành; ThS. Trần Nam Hưng; CN. Phạm Chung Chính; ThS. Bùi Huy Hùng; NCS. Nguyễn Minh Tiệp; CN. Lê Thanh Tuấn; TS. Võ Văn Khang - TP. Hồ Chí Minh - Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam, 2017 - 06/2015 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nghiên cứu làm rõ được các thành phần và cơ cấu hiện

nay của các sản phẩm thương mại trong lĩnh vực phòng chống tấn công từ chối dịch vụ như F5, Radware hay Arbor. Một số tính năng kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật được nhóm đề tài xây dựng đạt được như các sản phẩm thương mại nêu trên. Đặc biệt đối với hạ tầng Internet của Việt Nam và TP. HCM. Nắm rõ được điểm mạnh, điểm yếu của hạ tầng Inetrnet TP.HCM về năng lực phòng chống Internet; Hệ thống đạt được có thể triển khai dễ dàng cho các đơn vị với giá thành thấp hơn nhiều so với các sản phẩm thương mại.

Số hồ sơ lưu: HCM-055-2020

103. Vật lý

75966. 06-2021. **Cách tiếp cận lai cho xử lý thông tin lượng tử**/ PGS.TS. Nguyễn Bá Ân, PGS.TS. Nguyễn Bá Ân; TS. Nguyễn Văn Hợp; ThS. Cao Thị Bích; ThS. Lê Thành Đạt - Hà Nội - Viện Vật lý, 2019 - 10/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất các sơ đồ thực nghiệm nhằm tạo ra các trạng thái rối lai đa nhân (multipartite hybrid entangled states) phù hợp để làm các kênh lượng tử phục vụ cho việc thực hiện viễn tạo và đồng viễn tạo các trạng thái có biến liên tục. Tận dụng tối đa các tính chất ưu việt của cách tiếp cận lai để thiết kế các giao thức viễn tạo và đồng viễn tạo các trạng thái có biến liên tục sao cho kết quả là tối ưu. Các trạng thái cần viễn tạo hoặc đồng viễn tạo là các trạng thái con mèo Schrodinger dưới dạng chồng chập của các trạng thái kết hợp hoặc các trạng thái nén của trường điện từ. Đề xuất giao thức hội thoại lượng tử hiệu quả cao theo tinh thần các phép đo không chuyên biệt (nonselective measurements), các giao thức xử lý thông tin lượng tử với các qudit quang và cách phương thức đơn giản để quan sát các trạng thái chồng chập sóng-hạt (wave-particle superpositions). Vận dụng cách tiếp cận lai (mã hóa lai, tạo rối lai, kỹ thuật lai, ...) một cách hợp lý để tìm ra các phương thức tốt hơn cho xử lý thông tin lượng tử nói chung và cho viễn tạo và đồng viễn tạo các trạng thái lượng tử có biến liên tục nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 16805

10305. Vật lý plasma và chất lỏng

76535. 06-2021. **Nghiên cứu và phát triển phụ gia chống ăn mòn cho xăng sinh học**/ PGS. TS. Nguyễn Đăng Nam, TS. Nguyễn Tô Hoài; TS. Phan Minh Quốc Bình; TS. Đỗ Chiếm Tài; TS. Võ Quốc Thắng; TS. Huỳnh Thành Công; PGS. TS. Nguyễn Vũ Hạnh Thu; ThS. Nguyễn Sĩ Hoài Vũ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Dầu khí Việt Nam PVU, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc sử dụng chất phụ gia theo sáng chế có khả năng giảm thiểu ăn mòn cao cho phép tạo ra xăng sinh học thành phẩm có chất lượng cao, nhờ đó sau quá trình lưu trữ và vận chuyển vẫn có thể đảm bảo tăng độ tin cậy trong quá trình sử dụng xăng sinh học tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-045-2020

104. Hóa học

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

75971. 06-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu dẫn điện tử ETM và dẫn lỗ trống HTM mới giúp cải thiện hiệu năng và giá thành pin mặt trời Perovskite**/ TS. Dương Thanh Tùng, TS. Lưu Thị Nhạn; PGS.TS. Phan Huy Hoàng; ThS. Mẫn Hoài Nam; ThS. Lương Văn Đương; KS. Lê Quốc Tuấn - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến cấu trúc pin mặt trời đã sử dụng vật liệu nano TiO2 cấu trúc cầu rỗng, giải pháp này nhằm tăng khả năng hấp thụ ánh sáng của lớp nhạy quang và nâng cao hiệu suất chuyển đổi quang điện của pin sử dụng các vật liệu nano mới. Nghiên cứu sử dụng vật liệu nano carbon, polyaniline, polypyrrole thay thế cho các vật liệu đắt tiền như spiro-ometad, Au nhằm giảm giá thành chế tạo pin mặt trời dang màng mỏng dựa trên vật liệu perovskite. Phương pháp chế tạo pin như gạt phủ, in phun, nhúng phủ ở nhiệt độ và áp suất phòng được nghiên cứu sử dụng thay thế cho các phương pháp đòi hỏi thiết bị đắt tiền và quy mô phòng thí nghiệm như quay phủ, bốc bay ở chân không cao…

Số hồ sơ lưu: 16820

76531. 06-2021. **Chế tạo vật liệu và lắp ráp pin li-ion dạng cúc áo**/ PGS. TS. Trần Văn Mẫn, PGS. TS. Lê Mỹ Loan Phụng; TS. Huỳnh Lê Thanh Nguyên; ThS. Nguyễn Văn Hoàng; ThS. Võ Duy Thanh; CN. Nguyễn Thị Kim Tuyên; CN. Lê Phạm Phương Nam - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình lắp ráp pin sạc Li-ion từ điện cực âm LixC & điện cực dương LiNi0,5Mn1,5O4. Nghiên cứu lựa chọn hệ dung dịch điện giải thích hợp cho pin sạc Li-ion hoàn chỉnh là hệ dung dịch diện giải EC-EMC (3:7) + 1.2M LiPF6 + 1 %wt. VC. Pin Li-ion hoàn chỉnh hoạ động ổn đụng trong 100 chu kỳ với dung lượng đạt 90 mAh/g.

Số hồ sơ lưu: HCM-043-2020

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan

10508. Trắc địa học và bản đồ học

76031. 06-2021. **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống trạm định vị vệ tinh cố định phục vụ quan trắc dịch chuyển đứng bề mặt trái đất**/ ThS. Vũ Tiến Quang, ThS. Trần Phúc Thắng; TS. Vũ Văn Đồng; TS. Bùi Yên Tĩnh; ThS. Nghiêm Quốc Dũng; KS. Phạm Thu Hằng; TS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Trần Minh Vương; KS. Thái Viết Dũng; ThS. Đặng Dương Phi - Hà Nội - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 2019 - 07/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định công nghệ đo quan trắc dịch chuyển đứng, xác định độ chính xác thực tiễn, đề xuất đồ hình đo, thời gian đo phù hợp. Nghiên cứu về hiện tượng dịch chuyển đứng

bề mặt trái đất trên thế giới và Việt Nam. Cơ sở khoa học và thực tiễn về độ chính xác của công nghệ GPS tĩnh, hệ thống trạm CORS trong nghiên cứu dịch chuyển đứng. Nghiên cứu về dịch chuyển đứng sử dụng hệ thống số liệu đo trên các điểm quan trắc cố định ở Việt Nam. Triển khai đo đạc thực nghiệm nghiên cứu về các giới hạn phát hiện dịch chuyển đứng, thời gian đo, khoảng cách đo trong điều kiện sử dụng của công nghệ GPS ở Việt Nam. Đề xuất quy trình đo quan trắc dịch chuyển đứng sử dụng công nghệ GPS tĩnh với hệ thống trạm CORS của Việt Nam;

Số hồ sơ lưu: 16898

76600. 06-2021. **Ứng dụng GIS và mô hình toán xây dựng bản đồ tổn thương do biến đổi khí hậu Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đề xuất kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.**/ TS. Hồ Minh Dũng, ThS. Vũ Thùy Linh; TS. Trần Thống Nhất; TS. Phạm Thị Ánh Ngọc; KS. Nguyễn Duy Liêm; ThS. Võ Ngọc Quỳnh Trâm; ThS. Võ Thị Làm; ThS. Đặng Nguyễn Đông Phương; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán, TP Hồ Chí Minh, 2019 - 10/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá, phân vùng biến đổi khí hậu (BĐKH) cho khu vực nghiên cứu dựa trên đặc trưng khí tượng - thủy văn theo các kịch bản BĐKH dựa trên GIS, mô hình thủy văn SWAT và mô hình thủy lực HEC-RAS; Đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH cho các ngành và đối tượng tại vùng nghiên cứu theo các kịch bản BĐKH và các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội; Đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH cho các ngành và đối tượng dễ bị tổn thương tại vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: HCM-057-2020

106. Sinh học

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

76681. 06-2021. **Xác định cấu trúc tetramer của peptide amyloid beta: mô phỏng động lực học phân tử**/ Nguyễn Hoàng Linh, Mai Xuân Lý; Hồ Anh Kiệt - TP. Hồ Chí Minh - PTN Khoa học Sự sống, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Được thúc đẩy bởi các kết quả về độc tính thần kinh của oligomer Aβ1-42 và tầm quan trọng của cấu trúc các oligomer trong quá trình tự kết tụ, trong đề tài này, chúng tôi tiến hành mô phỏng mô phỏng động lực học phân tử hạt thô kết hợp phương pháp replica exchange (REMD). Mô hình hạt thô làm giảm số bậc tự do từ đó cho phép chúng tôi mô phỏng ở thang thời gian lớn và khoảng nhiệt độ rộng để tăng khả năng lấy mẫu trên không gian pha mà không yêu cầu tài nguyên tính toán lớn. Các cấu trúc thu được được tối ưu hoá bằng mô phỏng MD với tất cả nguyên tử để xác định các tính chất hoá lý của tetramer Aβ1-42. Từ cấu trúc tetramer, chúng tôi so sánh các đặc tính cấu trúc với sợi Aβ1-42 hoàn chỉnh để xác định lí do tại sao cấu trúc oligomer và sợi hoàn chỉnh lại khác biệt nhiều đến thế. Ngoài ra,

vai trò của nước trong cấu trúc oligomer và sợi Aβ1-42 cũng được quan tâm, các kết quả thu được là nền tảng cho việc giải thích một số vấn đề trong quá trình kết tụ của các monomer Aβ. Các cấu trúc tetramer thu được từ đề tài có thể được dùng trong các nghiên cứu tương lai để xây dựng oligomer bậc cao hơn và là mục tiêu cho thiết kế thuốc chữa bệnh Alzheimer

Số hồ sơ lưu: HCM-065-2020

10616. Công nghệ sinh học

76449. 06-2021. **Nghiên cứu chế phẩm sinh học phòng chống bọ xít hại nhãn chín muộn tại Hà Nội**/ TS. Phạm Văn Nhạ, TS. Phạm Văn Nhạ; ThS. Trần Văn Huy; ThS. Đặng Thanh Thúy; ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Hà Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Phạm Thị Bình; ThS. Nguyễn Duy Hồng; ThS. Hoàng Thị Hòa - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, phân lập và tuyển chọn được bộ giống vi sinh vật (VSV) có ích, có hoạt tính sinh học cao trong phòng chống hiệu quả bọ xít hại nhãn chín muộn. Nghiên cứu quy trình sản xuất chế phẩm sinh học phòng trừ bọ xít hại nhãn chín muộn. Nghiên cứu kỹ thuật sử dụng chế phẩm để phòng chống bọ xít hại nhãn chín muộn. Xây dựng mô hình ứng dụng, đánh giá hiêu quả kinh tế kỹ thuật của chế phẩm phòng trừ bọ xít tại các vùng trồng nhãn chín muộn tập trung.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-36/ĐK-TTTT&TK

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

75820. 06-2021. **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu composite để chế tạo lô cốt cho lực lượng phòng thủ bờ biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**/ Thiếu tá, ThS. Phạm Hồng Thạch, PGS. TS. Huỳnh Đại Phú; ThS. Nguyễn Phú Bảo; ThS. Phạm Hồng Tuân; ThS. Nguyễn Thị Thơm; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Phượng; ThS. Phạm Quốc Nghiệp; ThS. Phạm Thanh Hải; CN. Bùi Trọng Quang; ThS. Trần Văn Đua - Bà Rịa - Vũng Tàu - Viện Nhiệt đới Môi trường, 2019 - 03/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nghiên cứu ảnh hưởng VL, cấu trúc CP đến độ đâm xuyên của đạn K56 bắn súng tiểu liên AKM. Nghiên cứu ảnh hưởng công nghệ gia công và chiều dày VLCP đến độ đâm xuyên của đạn K56. Nghiên cứu công thức phối trộn chất đóng rắn với nhựa nền UPE. Nghiên cứu chế tạo hỗn hợp từ nhựa nền UPE có chất đóng rắn với chất chống cháy. Nghiên cứu VLCP gia cường từ cát - nền nhựa UPE kháng cháy. Nghiên cứu VLCP gia cường từ sợi kevlar, thủy tinh với hỗn hợp cát - nhựa UPE kháng cháy (CP-UPEM/KGSF). Nghiên cứu độ bền lão hóa, nhiệt đới hóa và chống xâm thực nước biển của CP - UPEM/KGSF.Tính toán ảnh hưởng của bão đến tính năng chiến đấu lô cốt
Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng lô cốt

Xây dựng quy trình công nghệ và chế tạo 02 lô cốt bằng CP-UPEM/KGSF (lô cốt hình dạng lục giác đều, chiều cao 1,9 m, chiều dài mỗi cạnh 1,5 m, chiều dày < 0,1 m. Theo quy định của Quân đội nhân dân Việt Nam). Thử nghiệm hiện trường độ đâm xuyên của đạn K56 bắn súng tiểu liên AKM đối với CP-UPEM/KGSF (tham khảo tiêu chuẩn NIJ 0101.06-2005, Hoa Kỳ). Tổ chức bàn giao 02 lô cốt cho Bộ CHQS tỉnh BRVT.

Số hồ sơ lưu: BTU-2020-001

75893. 06-2021. **Xây dựng và ứng dụng các giải pháp quản lý truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm heo, bò và tôm biển của tỉnh Bến Tre**/ Thạc sĩ Bùi Huy Bình, ThS Bùi Huy Bình; KS Trần Thị Huyền; TS Nguyễn Thị Hồng Minh; TS Nguyễn Việt Thắng; ThS Nguyễn Hồng Nam; ThS Ngô Minh Triết; KS Phan Thanh Tân; KS Quang Kim Hải - Tp Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ truy xuất nguồn gốc, 2020 - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử gắn với quản lý, khai thác và phát triển các sản phẩm chủ lực (vật nuôi: heo, bò và tôm biển) và tiến tới phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: BTE-129-2020

75904. 06-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và chế tạo các thiết bị trong dây chuyền sản xuất bánh phồng Sơn Đốc (huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre)**/ Tiến sĩ Nguyễn Văn Cương, TS Nguyễn Văn Cương; ThS Nguyễn Hoài Tân; ThS Trương Văn Thảo; ThS Huỳnh Thanh Thưởng; ThS Võ Mạnh Duy; ThS Phan Thanh Lương; ThS Nguyễn Quan Thanh; KS Trương Thoại Khánh; Nguyễn Văn Bé Sáu; ThS Lâm Văn Lĩnh; CN Trần Thị Duy Hương; Trần Hữu Lâm; Nguyễn Văn Được; Nguyễn Phương Nam; Phạm Phi Long - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2019 - 07/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, cải tiến và chế tạo hệ thống thiết bị máy gồm: máy quết bánh, máy tráng bánh, máy sấy bánh phồng có năng suất thích hợp, phục vụ sản xuất bánh phồng cho làng nghề bánh phồng Sơn Đốc, Huyện Giồng Trôm, Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-131-2020

201. Kỹ thuật dân dụng

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

76038. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của vận tải hàng hóa bằng đường sắt**/ TS. Lê Thu Sao, ThS. Nguyễn Anh Tuấn ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Trang; TS. Nguyễn Thị Hoài An; ThS. Đinh Hùng Việt; KS. Nguyễn Mạnh Thắng; CN. Trần Quốc Huy; ThS. Hà Văn Quảng; KS. Cao Xuân Dược - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2019 - 11/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa lý luận về năng lực cạnh tranh (NLCT) và nâng cao

NLCT của vận tải hàng hóa bằng đường sắt và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về NLCT của vận tải hàng hóa bằng đường sắt để rút ra bài học cho Bộ Giao thông Vận tải và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (ĐSVN). Phân tích, đánh giá thực trạng các mặt hoạt động của ĐSVN và các phương thức vận tải khác cạnh tranh với vận tải đường sắt, trên cơ sở đó xác định các nhân tố ảnh hưởng đến NLCT của vận tải hàng hóa bằng đường sắt. Xây dựng các nhóm giải pháp đồng bộ và khả thi về hoàn thiện cơ chế chính sách, công nghệ đường sắt, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lập kế hoạch tổ chức khai thác vận tải hàng hóa bằng đường sắt để đưa ra mô hình phục vụ tổ chức khai thác vận tải hàng hóa bằng đường sắt.

Số hồ sơ lưu: 16889

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi

75960. 06-2021. **Xây dựng và phân tích thử nghiệm tỷ số đồng vị bền δD và δ18O trong mẫu nước trên thiết bị IWA-35EP kết hợp với phân tích thành phần hóa học để khảo sát nước rò thấm qua đập Đơn Dương**/ CN. Huỳnh Thị Thu Hương, CN. Phan Thị Luân; CN. Dương Thị Bích Chi; CN. Lê Văn Sơn; CN. Lại Viết Hải; ThS. Lê Thanh Tài; CN. Trần Trọng Hiệu - Đà Lạt - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trình bày phương pháp đồng vị bền và thủy hóa trong khảo sát nước thấm qua đập. Nguyên lý phương pháp dựa trên sự thay đổi thành phần đồng vị và thành phần hóa học của nước khi trải qua các quá trình bay hơi, ngưng tụ, tương tác nước – đá. Quy trình phân tích tỷ số đồng vị bền trên thiết bị IWA-35EP, xây dựng kế hoạch lấy mẫu nước thấm rò trên đập Đơn Dương và ứng dụng thử nghiệm phương pháp thủy hóa kết hợp với đồng vị bền khảo sát nước rò thấm qua đập Đơn Dương. Trình bày kết quả đạt được của đề tài, hướng phát triển và đánh giá khả năng ứng dụng của phương pháp.

Số hồ sơ lưu: 16815

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

75952. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương**/ ThS. Đỗ Tiến Thành, ThS. Nguyễn Hữu Hạnh; ThS. Đặng Thị Thu Hương; ThS. Dương Tôn Bảo; ThS. Nguyễn Huy Kháng; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; CN. Lê Việt Hưng - Hà Nội - Cục Tin học hóa, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ kết nối giữa cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia với cổng DVC, hệ thống một cửa điện tử (MCĐT) cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

Quy chuẩn này đảm bảo cơ sở hỗ trợ triển khai kết nối giữa các hệ thống thông tin nói trên đồng bộ, thống nhất, hiệu quả là nhiệm vụ thiết thực phù hợp tinh thần của Nghị định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và nhu cầu thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16812

75980. 06-2021. **Xây dựng hệ thống tự động thu thập, phân tích, xử lý thông tin hỗ trợ công tác điều hành, quản lý sản xuất tại nhà máy tuyển than**/ ThS. Nguyễn Quang Hải, KS. Nguyễn Văn Thành; KS. Nguyễn Bá Thi; KS. Nguyễn Đình Văn; KS. Nguyễn Văn Bình; KS. Trần Mạnh Hiền; ThS. Đặng Quang Thạch; KS. Trần Hải Âu; ThS. Lương Duy Hiếu; KS. Ngô Đại Dương - Hà Nội - Viện Ứng dụng công nghệ, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát về ứng dụng và một số kỹ thuật xử lý ảnh quan trọng trong công nghiệp. Giải pháp sử dụng camera IP làm cảm biến thị giác để phân tích, phát hiện tốc độ băng tải, độ lệch đai băng, hay các biểu hiện bất thường trên bề mặt băng là một hướng đi đúng đắn. Giải pháp đưa tham số hoạt động của hệ thống giám sát băng tải, tham số hoạt động của động cơ 3 pha lên mạng Internet cũng là một hướng đi phù hợp với xu thế ứng dụng CNTT; nó cho phép người quản lý có thể theo dõi trạng thái hoạt động của hệ thống một cách nhanh chóng, ở mọi nơi, mọi lúc. Có thể phát triển sản phẩm của đề tài cho mọi đơn vị sản xuất có nhu cầu tự động thu thập, phân tích, xử lý thông tin hỗ trợ công tác điều hành, quản lý băng tải băng công nghệ thị giác máy.

Số hồ sơ lưu: 16862

75995. 06-2021. **Nghiên cứu, xây dựng thử nghiệm hệ thống nhận dạng cử chỉ tay người dựa trên nền tảng IoT**/ TS. Nguyễn Trọng Khánh, PGS.TS. Phạm Văn Cường; KS. Nguyễn Xuân Anh; KS. Đặng Phạm Thế Minh; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Linh - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về bài toán nhận dạng cử chỉ tay động. Đề xuất áp dụng phương pháp học máy cho bài toán nhận dạng cử chỉ tay động. Thu thập dữ liệu, xây dựng và phát triển hệ thống nhận dạng cử chỉ tay động trong thời gian thực trên nền tảng/thiết bị IoT giới hạn về hiệu năng phần cứng. Thử nghiệm và đánh giá kết quả. Bên cạnh đó, hướng tới áp dụng phương pháp đề xuất để xây dựng hệ thống thử nghiệm nhận dạng hoạt động cánh tay trên các nền tảng/thiết bị IoT giới hạn về hiệu năng phần cứng.

Số hồ sơ lưu: 16880

76016. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống ứng dụng Blockchain bảo mật nội dung thông tin trong các cổng thông tin của cơ quan nhà nước/** TS. Nguyễn Trung Kiên, ThS. Hoàng Mạnh Thắng; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Đỗ Mạnh Hùng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ).

Nghiên cứu lớp nguy cơ bảo mật thay đổi nội dung không mong muốn trong hệ thống cổng thông tin cơ quan nhà nước (CQNN). Nghiên cứu các biện pháp hạn chế nguy cơ này trong thực tế hiện nay và các tồn tại. Sự phù hợp của blockchain trong việc kiểm soát nguy cơ này và đề xuất phương án ứng dụng blockchain để cung cấp tiện ích kiểm soát thay đổi nội dung không mong muốn. Xây dựng hệ thống thử nghiệm, đánh giá kết quả và ưng dụng blockchain để giải quyết lớp nguy cơ bảo mật thay đổi nội dung không mong muốn trong các cổng thông tin của CQNN nhằm tìm ra cách khai thác các đặc tính ưu việt của công nghệ blockchain trong bài toán bảo mật đối với nhóm nguy cơ xâm phạm tới tính toàn vẹn dữ liệu (Integrity) trong các hệ thống thông tin cung cấp nội dung thông tin trên mạng Internet.

Số hồ sơ lưu: 16879

76048. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế thử nghiệm hệ thống IoT thời gian thực ứng dụng trong việc giám sát, cảnh báo cháy tại các khu chung cư/** TS. Nguyễn Trung Hiếu, ThS. Đặng Văn Tùng; ThS. Phạm Văn Sự; ThS. Nguyễn Mạnh Sơn; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. La Thu Hồng; CN. Vũ Thị Nhung - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hệ thống giám sát, cảnh báo cháy và ứng dụng IoT trong giám sát, cảnh báo cháy. Thiết kế thử nghiệm hệ thống IoT giám sát, cảnh báo cháy tại các khu chung cư theo thời gian thực. Xây dựng một hệ thống IoT thời gian thực nhằm thu thập thông tin có tính bảo mật, xác thực từ hệ thống cảm biến, các trung tâm thu thập và truyền tin, từ đó làm dữ liệu cho việc thực hiện đánh giá sớm nguy cơ, nguồn gốc hỏa hoạn để truyền thông tin cảnh báo kịp thời đến người dân, đơn vị chức năng. Đề xuất phương án tập hợp thông tin, bổ sung vào cơ sở dữ liệu các nguyên nhân, tình huống gây cháy.

Số hồ sơ lưu: 16896

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

76537. 06-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và ứng dụng hệ thống thoát hiểm cho nhà phố liền kề khi có hỏa hoạn xảy ra./** TS. Nguyễn Ngọc Hải, GS. TS. Lê Viết Lượng; ThS. Huỳnh Kim Hoàng; ThS. Nguyễn Hoàng Trung Kiên; KS. Nguyễn Văn Chúng; ThS. Phạm Ngọc Tài; KS. Nguyễn Văn Thư - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học An toàn Vệ sinh Lao động TP. Hồ

Chí Minh, 2019 - 06/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và xây dựng các phương án khả thi khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra cho nhà phố liền kề. Nghiên cứu tìm ra được phương án thiết kế khả thi cho cơ cấu trượt. Các phương án khả thi cho nguyên lý cơ cấu xoắn, cơ cấu chốt giữ các thang động, cơ cấu kích hoạt hệ thống thoát hiểm, cho cơ cấu kích hoạt thang động kế tiếp. Các thiết kế 3D cho hệ thống thoát hiểm. Khi thang động rơi và lắp ghép tốt với thang tiếp theo đồng thời kích hoạt được thang tiếp theo rơi xuống.

Số hồ sơ lưu: HCM-046-2020

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

75947. 06-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động truyền thanh cơ sở**/ ThS. Nguyễn Thị Lan Phương, ThS. Dư Thái Hùng; ThS. Nguyễn Hồng Tuấn; ThS. Thẩm Mai Linh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; ThS. Nguyễn Hoàng; ThS. Khổng Mạnh Tuấn - Hà Nội - Cục Thông tin cơ sở, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động truyền thanh cơ sở. Đổi mới về mặt tổ chức bộ máy của hệ thống truyền thanh cơ sở theo hướng tinh gọn, đảm bảo hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở góp phần quan trọng đáp ứng yêu cầu của công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới. Đề xuất các các giải pháp ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động truyền thanh cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 16813

20205. Viễn thông

75969. 06-2021. **Nghiên cứu đề xuất các chỉ tiêu đánh giá tác động kết quả thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020**/ TS. Trần Thị Anh Thư, TS .Bùi Xuân Chung; ThS. Lê Thanh Hòa; CN. Đinh Thị Tuyết Nhung; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Trần Thị Phượng; CN. Nguyễn Thị Linh Chi - Hà Nội - Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất các chỉ tiêu đánh giá tác động kết quả thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và các chỉ tiêu đề xuất đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. Xác định kết quả thực hiện chương trình để rút ra các mặt ưu điểm, tồn tại cũng như rút ra các bài học kinh nghiệm để triển khai các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 16830

203. Kỹ thuật cơ khí

20302. Chế tạo máy nói chung

76697. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống chuyền treo tự động ngành may**/ ThS. Lê Anh Tuấn, KS. Nguyễn Thanh Liêm;

ThS. Nguyễn Thành Trí; KS. Mai Xuân Nghĩa; ThS. Nguyễn Đức Hoàng; TS. Ngô Mạnh Dũng; KS. Mai Hữu Hoàng Lâm; KS. Trương Công Tuấn; KS. Nguyễn Đức Thái An; KS. Võ Huỳnh Minh - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Nhất Tinh, 2019 - 12/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dây chuyền treo tự động được thiết kế, chế tạo với ứng dụng công nghệ sản xuất tích hợp máy tính (CIM), gồm chuyền treo thẳng 10 trạm và chuyền treo vòng kín 32 trạm. Chuyền treo vận hành bằng băng tải xích có tốc độ 15-20 m/phút, nhận dạng móc treo bằng kỹ thuật RFID, sử dụng với các loại máy may phổ biến, cho phép tổ chức chuyền may áo sơ mi, quần tây, áo vest. Hệ thống phần mềm cho phép điều khiển vận hành chuyền may tối ưu, hỗ trợ thiết kế chuyền may và hỗ trợ quản lý nguồn lực doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-069-2020

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

75951. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị sản xuất tiêu đỏ, tiêu xanh và tiêu sọ bằng công nghệ enzyme**/ TS. Phan Thanh Bình, KS. Phạm Văn Thao; ThS. Nguyễn Thị Thoa; KS. Võ Thị Thùy Dung; ThS. Trần Thị Thắm Hà; ThS. Trần Thị Hoàng Anh; KS. Trương Minh Hằng; KS. Trương Trọng Chương; KS. Dương Văn Trung; KTV. Nguyễn Thị Kim Oanh - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết kế, chế tạo thiết bị sản xuất tiêu đỏ, tiêu xanh và tiêu sọ bằng công nghệ enzyme để nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế của sản phẩm. Xác định các thông số công nghệ sản xuất tiêu đỏ, tiêu xanh, để tính toán thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị sản xuất phù hợp ở quy mô 300kg/mẻ/sản phẩm và quy mô 400kg/mẻ/sản phẩm với công nghệ sản xuất tiêu sọ. Xây dựng mô hình thiết bị để sản xuất tiêu đỏ, tiêu xanh và tiêu sọ quy mô 1 tấn/mẻ. Kết hợp đơn vị hợp tác, kinh doanh để tổ chức sản xuất 30 tấn sản phẩm các loại trên dây chuyền hệ thống thiết bị thiết kế chế tạo, các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 16808

75986. 06-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để xây dựng mô hình sản xuất giống lúa chất lượng Sơn Lâm 1 theo chuỗi giá trị liên kết tại tỉnh Thái Bình**/ KS. Đoàn Thị Thanh Huyền, GS.TS. Trần Duy Qúy; KS. Tô Đình Chiến; KS. Phạm Thị Thanh Thủy - Thái Bình - Công ty TNHH giống cây trồng Tiền Hải, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất theo chuỗi khép kín từ sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, xác nhận và lúa thương phẩm góp phần tăng thu nhập cho người trồng lúa ở Thái Bình. Chuyển giao và tiếp

nhận thành công 04 quy trình kỹ thuật về sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng giống lúa Sơn Lâm 1, giống lúa xác nhận Sơn Lâm 1, quy trình kỹ thuật thâm canh lúa Sơn Lâm 1 và quy trình kỹ thuật thu hoạch và chế biến gạo chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 16833

76007. 06-2021. **Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu công nghệ cơ điện tử và công nghệ sau thu hoạch có tiềm năng đưa ra thị trường**/ TS. Nguyễn Trường Phi, CN. Vũ Xuân Thành; TS. Nguyễn Hữu Liên; ThS. Thái Hải Anh; ThS. Phạm Việt Hồng; CN. Vũ Ngọc Tạo; ThS. Vũ Quốc Huy; KS. Kiều Minh Tứ; CN. Nguyễn Thị Anh Thư - Hà Nội - Trung tâm Thiết kế, Chế tạo và Thử nghiệm, 2017 - 11/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai những chính sách đã ban hành về hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu công nghệ; ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ cơ điện tử và công nghệ sau thu hoạch vào đổi mới, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Hỗ trợ triển khai các chương trình KH&CN cấp nhà nước về nghiên cứu phát triển công nghệ. Liên kết giữa khối nghiên cứu và doanh nghiệp để phát triển, ứng dụng công nghệ, tiếp nhận hiệu quả công nghệ từ nước ngoài trong lĩnh vực cơ điện tử và lĩnh vực sau thu hoạch. Hỗ trợ quá trình nghiên cứu công nghệ đến giai đoạn tiền thương mại hóa. Thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ vào thực tiễn góp phần phát triển thị trường công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 16867

76028. 06-2021. **Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn dạng viên cho tôm sú**/ ThS. Lê Đình Trung, TS. Vũ Kế Hoạch; PGS.TS. Lê Anh Đức; TS. Vũ Trí Viễn; KS. Vũ Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Văn Bắc; ThS. Nguyễn Hữu Quyền - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ chế biến thức ăn cho tôm sú phù hợp với các giai đoạn sinh trưởng của tôm. Sản phẩm đáp ứng được chỉ tiêu chất lượng về thức ăn nuôi tôm theo quy định. Thiết kế, chế tạo được dây chuyền chế biến thức ăn dạng viên cho tôm sú phù hợp với các giai đoạn sinh trưởng của tôm với năng suất 500 kg/ngày. Chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm tại 01 doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả của các thiết bị trong dây chuyền chế biến.

Số hồ sơ lưu: 16882

76029. 06-2021. **Hoàn thiện công nghệ và thiết kế chế tạo dây chuyền thiết bị chế biến nấm**/ TS. Bùi Mạnh Tuân, TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Nguyễn Tấn Thắng; ThS. Nguyễn Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn Minh Quang; TS. Vũ Kế Hoạch; PGS.TS. Lê Anh Đức - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng Công thương

thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ và thiết kế chế tạo dây chuyền thiết bị chế biến nấm sạch. Góp phần chủ động trong việc chế biến và bảo quản nấm, đáp ứng nhu cầu nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm cho các cơ sở sản xuất nấm quy mô vừa và nhỏ. Thiết kế chế tạo dây chuyền các máy chế biến nấm quy mô năng suất 500 kg nấm nguyên liệu/ngày bao gồm các máy: rửa tạp chất, ly tâm tách nước, sấy khô và khử khuẩn. Sản xuất thử nghiệm tại 01 doanh nghiệp với hai loại nấm là nấm bào ngư, mộc nhĩ và đánh giá hiệu quả của dây chuyền chế biến.

Số hồ sơ lưu: 16891

76037. 06-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mô hình hệ thống phun sương tự động cho các trang trại nuôi trồng quy mô lớn và vừa sử dụng nguồn năng lượng mặt trời**/ ThS. Lê thị Thu Hương, ThS. Đoàn Thị Như Quỳnh; ThS. Trần Thị Thơm; ThS. Dương Đông Hưng; ThS. Trịnh Xuân Thắng; PGS.TS. Đỗ Anh Tuấn; TS. Phạm Xuân Hiển; ThS. Đào Đức Hùng - Quảng Ninh - Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2018 - 11/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nguồn năng lượng mặt trời và các hệ thống phun sương. Thiết kế mô hình hệ thống phun sương , yêu cầu và giải pháp điều khiển hệ thống phun sương. Thiết kế hệ thống điều khiển cho hệ thống phun sương tự động: Tính chọn thiết bị; Mạch chuyển đổi điện áp DC-AC; Thiết kế bộ điều khiển. Lắp đặt, khảo sát và hiệu chỉnh: Lắp đặt, chạy thử và hiệu chỉnh mô hình sản phẩm; Quy trình điều khiển. Làm chủ kỹ thuật nhằm đưa vào ứng dụng trong các điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Việc triển khai thực hiện đề tài tạo điều kiện đem lại những hiểu biết tạo cơ sở và nền tảng khoa học và công nghệ cho khả năng ứng dụng trong tương lai. Tạo điều kiện tăng cường năng lực nghiên cứu cho các cơ sở tham gia. Đồng thời, góp phần quan trọng vào việc đào tạo sinh viên về nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 16884

20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ

76533. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ nguồn thay thế dùng cho máy đẩy Cuda của bộ đội đặc công Hải quân**/ ThS. Trịnh Đình Cường, ThS. Đặng Ngọc Sơn; ThS. Vũ Hải Lăng; ThS. Đặng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Đỗ Doanh Điện; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; CN. Nguyễn Dương Thuận; ThS. Trần Quang Giang - Hà Nội - Viện Công nghệ mới, 2019 - 09/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài triển khai, áp dụng trong việc chế tạo các bộ nguồn thay thế dùng trong các máy quân sự khác với các tính năng, thông số kỹ chiến thuật tương đương với các bộ nguồn nhập ngoại. Đáp ứng yêu cầu chủ động trong việc bảo quản, sửa chữa và tiến tới từng bước nghiên cứu làm chủ công nghệ chế tạo các loại vũ khí trang thiết bị kỹ thuật của quân

đội. Qua đó, góp phần giảm chi phí sửa chữa và mua sắm các vật tư, thiết bị thay thế tương đương của nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: HCM-044-2020

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

75959. 06-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy tuyển từ cho Nhà máy Sàng tuyển than Vàng Danh 2**/ TS. Đàm Hải Nam, KS. Lê Khánh Quốc Bảo; TS. Nguyễn Trọng Tài; KS. Nguyễn Đình Dũng; TS. Nguyễn Hữu Liên; CN. Phạm Thu Đoàn; ThS. Phạm Hà Trung; ThS. Mai Minh Châu; ThS. Nguyễn Chân Phương - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2018 - 12/2015 - 02/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, công nghệ chế tạo máy tuyển từ, tạo tiền đề về cơ sở lý thuyết và thực tiễn để chế tạo máy tuyển từ sử dụng trong các nhà máy tuyển tương tự trong tương lai. Sử dụng phương pháp lấy mẫu kết hợp với các lý thuyết tính toán thiết kế máy tuyển từ trong nước và trên thế giới để xây dựng tài liệu tính toán, thiết kế. Từ đó làm cơ sở để chế tạo sản phẩm có chất lượng đáng tin cậy, đảm bảo năng suất thiết kế, có thể hoạt động ổn định, đạt yêu cầu về năng suất và chất lượng, góp phần đảm bảo sự thành công chung của dự án EPC và dự án khoa học công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 16811

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

76037. 06-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mô hình hệ thống phun sương tự động cho các trang trại nuôi trồng quy mô lớn và vừa sử dụng nguồn năng lượng mặt trời**/ ThS. Lê thị Thu Hương, ThS. Đoàn Thị Như Quỳnh; ThS. Trần Thị Thơm; ThS. Dương Đông Hưng; ThS. Trịnh Xuân Thắng; PGS.TS. Đỗ Anh Tuấn; TS. Phạm Xuân Hiển; ThS. Đào Đức Hùng - Quảng Ninh - Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2018 - 11/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nguồn năng lượng mặt trời và các hệ thống phun sương. Thiết kế mô hình hệ thống phun sương , yêu cầu và giải pháp điều khiển hệ thống phun sương. Thiết kế hệ thống điều khiển cho hệ thống phun sương tự động: Tính chọn thiết bị; Mạch chuyển đổi điện áp DC-AC; Thiết kế bộ điều khiển. Lắp đặt, khảo sát và hiệu chỉnh: Lắp đặt, chạy thử và hiệu chỉnh mô hình sản phẩm; Quy trình điều khiển. Làm chủ kỹ thuật nhằm đưa vào ứng dụng trong các điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Việc triển khai thực hiện đề tài tạo điều kiện đem lại những hiểu biết tạo cơ sở và nền tảng khoa học và công nghệ cho khả năng ứng dụng trong tương lai. Tạo điều kiện tăng cường năng lực nghiên cứu cho các cơ sở tham gia. Đồng thời, góp phần quan trọng vào việc đào tạo sinh viên về nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 16884

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

75973. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế nhiên liệu mới và phân tích nhiễu nơtron trong chuẩn đoán an toàn lò phản ứng hạt nhân**/ PGS.TS. Trần Hoài Nam, TS. Hoàng Văn Khánh; ThS. Cao Văn Chung; ThS. Trần Việt Phú; ThS. Hoàng Thanh Phi Hùng; ThS. Phan Thị Thùy Giang - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế nhiên liệu mới và phát triển phương pháp mô phỏng nhiễu nơtron ứng dụng trong việc chuẩn đoán an toàn lò phản ứng hạt nhân và bó nhiên liệu lò phản ứng VVER-1000. Khảo sát các thông số thiết kế của chất hấp thụ dạng hạt nhằm nâng cao các đặc trưng hạt nhân và thủy nhiệt của bó nhiên liệu. So sánh đánh giá thiết kế bó nhiên liệu mới với các thiết kế hiện tại. Phát triển các mô hình mô phỏng chu trình nạp nhiên liệu liên tục cho lò phản ứng Pebble Bed Reactor (PBR) (chu trình OTTO và multi-pass). Nghiên cứu thiết kế vùng hoạt, tối ưu sử dụng nhiên liệu các lò phản ứng thê hệ IV, bao gồm lò phản ứng PBR và lò phản ứng neutron nhanh (Fast reactor). Phát triển mô hình mô phóng dao động bó nhiên liệu bên trong vùng hoạt lò PWR, dự đoán tính chất nhiễu neutron đo bởi các detector tại các vị trí bên ngoài vùng hoạt để hỗ trợ chuẩn đoán an toàn vận hành lò phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 16824

204. Kỹ thuật hóa học

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

76539. 06-2021. **Sản xuất thử nghiệm chế phẩm Limo NI trích từ hạt neem Azadirachta indica A. Juss quy mô 20 kg/ngày để bọc urê nhằm giảm thất thoát đạm**/ TS. Trần Kim Quy, Trần Lê Quan; Nguyễn Thị Ý Nhi; Bùi Xuân Hào; Phan Bích Thủy - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa sinh Ứng dụng, 2019 - 10/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sự nitrit hóa phân đạm trong đất do cặp vi khuẩn Nitrosomonas sp và Nitrobacter sp làm thất thoát khoảng 45 – 50% phân đạm bón vào đất, sinh ra chất độc nitrat làm ô nhiễm môi trường đất, nước và cây trồng. Thử nghiệm dùng một số hoạt chất limonoid trích từ hạt cây neem Azadirachta indica A. Juss trồng ở tỉnh Ninh Thuận để khử 2 chủng vi khuẩn nitrit hóa phân đạm này theo phương pháp kháng sinh đồ cho thấy 3 limonoid nimbin, azadirachtin, salannin (gọi chung là ARL) có tác dụng kháng vi khuẩn nitrit hóa mạnh nhất. Từ kết quả này chế phẩm Limo NI (Nitrification Inhibitor) gồm có hoạt chất ARL, chất làm bền p-aminobenzoic acid, chất tạo nhũ sorbitan ester và chất kết dính rosin được điều chế để bao phân đạm urê, trước khi bón phân urê vào đất.

Số hồ sơ lưu: HCM-047-2020

76686. 06-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế biến mủ thiên nhiên đạt tiêu chuẩn sản xuất lốp ô tô**

Radial/ TS. Nguyễn Hữu Hùng, TS. Lê Thanh Minh; Bùi Ngọc Tân - TP. Hồ Chí Minh - Đầu tư và Phát triển công nghệ Nhật Việt, 2019 - 04/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế sản phẩm SVR10 cải tiến với mức chất lượng ổn định chuyên dụng cho lốp radial, thiết lập quy trình công nghệ sản xuất mới khắc phục tất cả các nhược điểm của quy trình hiện nay, đảm bảo giám sát được chất lượng của cao su qua tất cả các công đoạn sản xuất. Hoàn thiện công nghệ sản xuất cao su có khả năng đáp ứng nhu cầu ngành sản xuất lốp radial. Kết quả nghiên cứu góp phần đóng góp vào chính sách phát triển ngành cao su Việt Nam, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời tạo ra cơ sở khoa họcvà công nghệ cho việc tổ chức sản xuất cao su thiên nhiên theo yêu cầu của người sử dụng thay vì sản xuất đại trà một vài chủng loại như hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HCM-066-2020

20403. Kỹ thuật hoá dược

76689. 06-2021. **Tổng hợp và thử nghiệm hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn xuất tổng hợp của acid usnic**/ TS. Phạm Đức Dũng, Dương Thúc Huy; Trần Thị Minh Định; Đinh Minh Hiệp; Nguyễn Kim Phi Phụng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân lập acid usnic từ các loài địa y thuộc chi Usnea. Thực hiện phản ứng oxi hóa Dakin biến đổi acid usnic thành sản phẩm thoái phân 2-(7-acetyl-4,6-dihydroxy-3,5-dimethylbenzofuran-2-yl)acetic acid của nó. Từ sản phẩm thoái phân, tiến hành phản ứng aldol hóa với một số aldehyde thơm nhằm tổng hợp các dẫn xuất benzylidene có khung sườn carbon mới. Thử nghiệm hoạt tính kháng ung thư đối với 2 dòng tế bào ung thư gan HepG2 và ung thư máu K562.

Số hồ sơ lưu: HCM-068-2020

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

75997. 06-2021. **Nghiên cứu chế tạo màng mỏng polylactide bền nhiệt theo phương pháp layer-by-layer ứng dụng trong quang học**/ TS. Trần Thị Hằng, TS. Vũ Đình Ngọ; ThS. Nguyễn Đức Tuân; ThS. Đàm Thị Thanh Hương; TS. Đặng Ngọc Định; TS. Bùi Đình Nhi; ThS. Nguyễn Duy Toàn; ThS. Nguyễn Đức Duy - Phú Thọ - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan công nghệ chế tạo, lĩnh vực ứng dụng màng mỏng polylactide bền nhiệt. Nghiên cứu tổng hợp polyL-lactide và polyD-lactide bằng phương pháp trùng ngưng hoặc mở vòng. Quy trình biến tính polyL-lactide và polyDlactide sử dụng hợp chất thiên nhiên. Xây dựng quy trình chế tạo màng mỏng polylactide bền nhiệt theo phương pháp layer-by-layer. Chế tạo màng mỏng polylactide bền nhiệt theo phương pháp layer-by-layer có khả năng phản ứng quang hóa. Đánh giá

hiệu quả và xây dựng phương án phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 16853

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim

75955. 06-2021. **Nghiên cứu các đặc tính vật lý quan trọng của hệ thấp chiều tạo bởi vật liệu graphene và vật liệu tựa graphene bằng phương pháp nguyên lý ban đầu**/ PGS.TS. Nguyễn Thành Tiên, PGS.TS. Lê Tuấn; TS. Nguyễn Duy Khanh; GS.TS. Ming-Fa Lin; ThS. Võ Trung Phúc; ThS. Bùi Thái Học - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2019 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài sử dụng phương pháp nguyên lý ban đầu hiện đại để nghiên cứu tính chất điện tử phong phú của các cấu trúc thấp chiều dựa trên hệ vật liệu graphene, vật liệu tựa graphene có pha tạp nguyên tử phù hợp và tính chất điện tử, tính chất quang của cấu trúc dị chất ZnO/GaN hình thành từ một lớp nguyên tử có cấu trúc tựa graphene. Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở khoa học chuyên sâu, giúp tiên đoán có tính định tính lẫn định lượng các đặc tính vật lý quan trọng và mới lạ của các hệ vật liệu nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 16818

75957. 06-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu multiferroic dựa trên cơ sở vật liệu sắt điện không chì và khảo sát tính chất của chúng**/ PGS.TS. Đặng Đức Dũng, ThS. Dương Văn Thiết; TS. Nguyễn Quốc Dũng; TS. Trịnh Văn Trung; ThS. Nguyễn Hoàng Tuấn; ThS. Lê Thị Hải Thanh; ThS. Ngô Đức Quân - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và ổn định quy trình công nghệ chế tạo vật liệu sắt điện không chì nền Bi0.5(Na,K)0.5TiO3 bằng phương pháp gốm và bước đầu thử nghiệm chế tạo vật liệu bằng phương pháp sol-gel. Khảo sát ảnh hưởng của tạp chất đến tính chất của vật liệu sắt điện không chì Bi0.5K0.5TiO3, Bi0.5Na0.5TiO3 và Bi0.5(Na,K)0.5TiO3.

Số hồ sơ lưu: 16810

76032. 06-2021. **Cơ học vật liệu làm cực âm cho ắc quy ion lithium**/ PGS.TS. Lê Minh Quý, TS. Nguyễn Thành Hùng; TS. Nguyễn Thái Tất Hoàn; ThS. Bùi Thanh Lâm; ThS. Nguyễn Văn Trang; ThS. Nguyễn Hữu Tú - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Các thế hệ ắc quy ion lithium trong tương lai cần có khả năng tích điện cao, thời gian sạc ngắn và tuổi thọ cao. Nhiều vật liệu có thể làm cực âm để đáp ứng yêu cầu trên. Tuy nhiên ứng dụng thực tế và việc thương mại hóa chúng còn hạn chế vì chất lượng ắc quy giảm rất nhanh khi sử dụng do biến dạng lớn của cực âm trong quá trình sạc và phóng điện. Cơ học vật liệu và kết cấu của cực âm đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động của ắc quy ion lithium. Nghiên cứu ứng xử cơ học

của một số vật liệu 2 chiều có tiềm năng dùng làm cực âm của ắc quy và nghiên cứu ứng xử cơ học trong quá trình sạc điện của cực âm.

Số hồ sơ lưu: 16893

20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu

74698. 06-2021. **Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật pha loãng đồng vị kết hợp chuẩn nội và chuẩn ngoại để xác định chính xác hàm lượng các nguyên tố đất hiếm bằng ICP-MS**/ TS. Cao Đông Vũ, TS. Nguyễn Giằng; ThS. Trương Đức Toàn; ThS. Đỗ Tâm Nhân; ThS. Võ Trần Quang Thái; CN. Nguyễn Lê Anh; CN. Nguyễn Việt Đức - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát quy trình tối ưu để phá mẫu ở dạng bột rắn như mẫu địa chất, mẫu trầm tích bằng hỗn hợp axít (HF-HNO3-HClO4) bằng cốc Teflon trên đĩa nóng. Đánh giá hiệu ứng nền, chọn hệ số pha loãng, chọn nguyên tố chuẩn nội và mức hàm lượng tối ưu. Nghiên cứu phương pháp hiệu chỉnh bằng thực nghiệm để hiệu chỉnh sự ảnh hưởng của các ion đa nguyên tử của các REE nhẹ (LREE) gây nhiễu lên các REE trung bình (MREE) và REE nặng (HREE). Áp dụng phương pháp pha loãng đồng vị đối với Ce, Sm và Yb kết hợp với phương pháp chuẩn ngoại (phương pháp đường chuẩn) để xác định hệ số thu hồi trong thủ tục phân tích REEs bằng ICP-MS. Xác định hàm lượng của 14 nguyên tố đất hiếm trong 03 mẫu chuẩn (SRMs) địa chất và môi trường nhằm đánh giá chất lượng của quy trình đã xây dựng. Ngoài ra, quy trình cũng được áp dụng để đánh giá độ tinh khiết của một số mẫu ôxít đất hiếm thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16553

20507. Vật liệu xây dựng

76729. 06-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của dạng đầu neo đến sự làm việc chung giữa bê tông geopolymer và cốt thép**/ TS. Phạm Đức Thiện, PGS.TS. Phan Đức Hùng; TS. Trần Văn Tiếng; TS. Nguyễn Minh Đức; TS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Lê Phương Bình - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản phẩm bê tông geopolymer cốt thép có tính khả thi cao trong việc chuyển giao ứng dụng đại trà trong sản xuất xây dựng, bao gồm cả chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất,…Sản phẩm bê tông geopolymer thay thế bê tông xi măng sẽ cùng lúc giải quyết được 3 vấn đề môi trường khá cấp bách: giảm khai thác tài nguyên thiên nhiên (đá vôi, đất sét); giảm phát thải CO2 (do nung clinker trong sản xuất xi măng) và tiêu thụ phế phẩm tro bay của các nhà máy nhiệt điện.

Số hồ sơ lưu: HCM-074-2020

20508. Vật liệu điện tử

76616. 06-2021. **Ứng dụng hóa tính toán trong thiết kế vật liệu**

hữu cơ bán dẫn/ GS. TS. Trương Nguyệt Thành, Nguyễn Hoàng Lâm; Nguyễn Thị Hoài; Phan Thị Ngọc Lan; Trần Thị Hải Lưu; Huỳnh Văn Tuân - TP. Hồ Chí Minh - PTN Hạ tầng Tính toán, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu áp dụng mô hình độ xen phủ của Orbital pi đề xuất trước đó để phát triển quan hệ định lượng cấu trúc - tính chất cho năng lượng vùng cấm, khả năng ion hóa và ái lực electron cho thienoacence. Tính chất điện tử được tính toán ở mức lý thuyết B3LYP/6-31+G và được sử dụng để phát triển QSPR cũng như để đánh giá độ chính xác của nó cho lớp thienoacene. Kết quả này đề xuất khả năng để áp dụng mô hình DPO để các lớp liên hợp khác của phân tử bên cạnh đó các lớp vòng thơm khác.

Số hồ sơ lưu: HCM-056-2020

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;

76673. 06-2021. **Tối ưu hóa quy trình công nghệ chế tạo vật liệu nanosilica và ứng dụng nó trong sản xuất nanocomposite nền cao su**/ TS. Lê Minh Trí, Nguyễn Văn Thức; Hồ Khắc Duy; Nguyễn Hữu Phong - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm phát triển Khoa học và Công nghệ nghệ Trẻ, 2019 - 04/2018 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo vật liệu nanosilica và tìm ra bộ thông số tối ưu cho quy trình công nghệ chế tạo vật liệu cũng như ứng dụng được nó trong việc chế tạo vật liệu composite có nền là cao su thiên nhiên, butadiene và nền lai của 2 hỗn hợp này để tạo ra vật liệu mới có cơ tính cao. Việc nghiên cứu điều chế vật liệu composite được gia cường bằng nanosilica sẽ làm tăng cơ tính của vật liệu, giúp tìm ra vật liệu có chất lượng tốt cho những mục đích kỹ thuật cụ thể đồng thời bảo vệ được môi trường.

Số hồ sơ lưu: HCM-063-2020

206. Kỹ thuật y học

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

75956. 06-2021. **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất kim luồn tĩnh mạch quy mô công nghiệp**/ ThS. Nguyễn Xuân Dũng, ThS. Võ Xuân Bội Lâm; BSCK II. Lê Thành Khánh Vân; ThS. Phan Thị Xuân Mai; KS. Nguyễn Văn Thuận; KS. Thái Phương; KS. Trịnh Triệu An; ThS. Nguyễn Lê Nhật Minh; CN. Ma Thị Tuyết Sương - TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhà Máy Trang thiết bị y tế USM Healthcare, 2019 - 09/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Dự án sản xuất thử nghiệm là sản xuất ra sản phẩm kim luồn tĩnh mạch ở quy mô công nghiệp, đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cung ứng sản phẩm kim luồn tĩnh mạch phù hợp với các cơ sở y tế Việt Nam. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất kim luồn tĩnh mạch ở quy mô công nghiệp 20.000 cái/lô. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp kiểm định chất lượng sản phẩm. Thiết lập dây chuyền sản xuất kim luồn tĩnh mạch đạt tiêu chuẩn ISO 13485, mỗi chủng loại

sản xuất được 200.000 cái (ứng với các kích thước 18G, 20G, 22G) đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 16806

76020. 06-2021. **Phát triển hệ thống vi lỏng kết hợp aptamer và cảm biến trở kháng nhằm phát hiện tế bào ung thư**/ PGS.TS. Chử Đức Trình, TS. Bùi Thanh Tùng; ThS. Phạm Anh Thuỳ Dương; ThS. Trần Thị Thuý Hà; ThS. Bùi Thu Hằng; TS. Trần Đăng Khoa; CN. Đỗ Quang Lộc; PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung; ThS. Lưu Mạnh Quỳnh; ThS. Vũ Quốc Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Việt - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2019 - 11/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, tuyển chọn được aptamer đặc hiệu để phát hiện được tế bào ung thư phổi chủng loại "A549" trong hỗn hợp với tế bào phổi thường "MRC-5" với nồng độ cỡ 500 tế bào trong một ml thời gian đáp ứng là 60 giây. Thiết kế chế tạo hệ vi lỏng kết hợp với aptamer và cảm biến trở kháng nhằm phát hiện được tế bào ung thư phổi chủng loại "A549". Tăng cường trao đổi khoa học kỹ thuật và công nghệ, nâng cao lực nghiên cứu về BioMEMS của hai nhóm nghiên cứu phía Việt Nam và Đài Loan tiến tới đưa các sản phẩm nghiên cứu vào ứng dụng trong thực tế xã hội của cả hai phía. Tạo ra một tiềm năng về khoa học và công nghệ cho sự phát triển của các hệ thống phần cứng và phần mềm cũng như các thiết bị để chẩn đoán nhanh chóng các tế bào ung thư tuần hoàn trong máu.

Số hồ sơ lưu: 16869

76033. 06-2021. **Hoàn thiện và đổi mới công nghệ để nâng cao sản lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất ống thủy tinh y tế**/ ThS. Nguyễn Thanh Duy, KS. Nguyễn Công Hòa; CN. Trần Thanh Sang; KS. Nguyễn Hồng Quang; KS. Mai Vĩnh Thạnh; KS. Cao Anh Phổ; ThS. Phạm Tấn Khoa; TS. Nguyễn Ngọc Mỹ; TS. Đào Minh Hưng; ThS. Trần Đình Khải - Hà Nội - Công ty cổ phần Thiên Phúc, 2019 - 12/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bổ sung và đổi mới thiết bị, hoàn thiện công nghệ, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 15378) để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực và hiệu quả kinh tế trong sản xuất ống thủy tinh y tế, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu. Chế tạo, mua sắm bổ sung một số thiết bị mới hoàn thiện quy trình công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cấp và làm chủ công nghệ trong sản xuất ống thủy tinh y tế. Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 15378. Đánh giá các vấn đề còn tồn tại và cách xử lý cũng như phối hợp với các đơn vị có năng lực để thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 16888

76035. 06-2021. **Thiết kế và điều khiển cơ cấu khớp gối hỗ trợ cho bệnh nhân đau khớp trên cơ sở dùng phanh với lưu chất tùy biến (magneto-rheological fluid) và cơ cấu điều chỉnh độ cứng**/ TS.

Đỗ Xuân Phú, PGS.TS. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Lê Đức Thắng; ThS. Lê Đại Hiệp - Bình Dương - Trường đại học Việt Đức, 2019 - 05/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý thuyết biến dạng dao động trên cơ sở độ cứng thay đổi của hệ dầm. Trên nền tảng lý thuyết này, nghiên cứu phát triển và chế tạo cơ cấu với độ cứng thay đổi dùng cho khớp gối bệnh nhân đau khớp được thực hiện. Phát triển mới cơ cấu phanh lưu chất điện từ (cơ cấu thắng, hoặc cơ cấu giảm chấn) phối hợp với cơ cấu độ cứng thay đổi để tạo thành cơ cấu hỗ trợ hoàn chỉnh. Từ mô hình cơ cấu chế tạo và phát triển các thuật toán điều khiển thông minh cho cơ cấu được thực hiện với mục tiêu tạo sự thoải mái nhất cho người bệnh.

Số hồ sơ lưu: 16885

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc

74765. 06-2021. **Nghiên cứu định lượng nhanh một số hoạt chất trong thuốc bằng phổ kế hồng ngoại gần và trung bình.**/ TS. Bùi Xuân Thành, PGS.TS. Tạ Thị Thảo; TS. Nguyễn Thị Kim Thường; PGS.TS. Nguyễn Văn Ri; ThS. Lê Sỹ Hưng; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Phan Thị Tuyết Mai; ThS. Hoàng Quốc Anh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2018 - 06/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng qui trình phân tích một số thành phần hoạt chất trong mẫu thuốc đang lưu thông trên thị trường bằng phương pháp quang phổ hồng ngoại gần và trung bình. Với mỗi nhóm hoạt chất kháng sinh nghiên cứu, trình tự tiến hành nghiên cứu gồm: Lựa chọn các điều kiện tối ưu để đo phổ IR trong vùng hồng ngoại gần và trung của các mẫu thuốc chuẩn của các chất trong nhóm nghiên cứu; Xây dựng thuật toán hồi qui đa biến tuyến tính, lựa chọn các thông số tối ưu của các mô hình trên cơ sở của mẫu chuẩn; Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần tá dược và các chất đi kèm khác trong mỗi loại thuốc đến tín hiệu đo độ hấp thụ quang của chất phân tích trong vùng hồng ngoại gần và trung. Đánh giá các thông số chính của phương pháp phân tích như giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, khoảng tuyến tính, độ chọn lọc và tính ổn định của phép đo với từng chất trong nhóm nghiên cứu; đánh giá độ lặp lại, độ thu hồi của mẫu thêm chuẩn trên nền 4 loại mẫu thuốc của bốn nhà sản xuất khác nhau có cùng thành phần hoạt chất. So sánh phương pháp nghiên cứu với phương pháp tiêu chuẩn qui định trong dược điển Việt Nam IV hoặc một phương pháp phân tích đối chứng khác thường dùng để định lượng. Ứng dụng phương pháp nghiên cứu được để định lượng nhanh thành phần hoạt chất một các mẫu thuốc đang lưu thông trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 16550

207. Kỹ thuật môi trường

75913. 06-2021. **Mô hình xử lý nước ngầm nhiễm phèn tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng năm 2019**/ CN. Nguyễn Thị Hoa Tài, CN.

Nguyễn Duy Thái - Lâm Đồng - Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đạ Tẻh, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở).

Giải quyết vấn đề cấp bách về việc cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt nhằm đảm bảo sức khỏe của nhân dân trên địa bàn huyện Đạ Tẻh thông qua việc nhân rộng mô hình xử lý nước nhiễm phèn cho 38 hộ dân trên địa bàn huyện Đạ Tẻh. Nâng cao ý thức sử dụng nước sạch cho nhân dân, hiểu được tầm quan trọng của nước sạch đối với cuộc sống và sức khỏe, biết cách tự lắp đặt hệ thống xử lý nước nhiễm phèn đơn giản tại nhà, biết cách thay thế vật liệu lọc khi hết hạn sử dụng…từ đó nâng cao hiệu quả nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-005

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

75976. 06-2021. **Nghiên cứu tương tác hóa lý và biến dạng nền đất do xâm nhập mặn trong trầm tích holocene vùng đồng bằng Sông Hồng phục vụ phát triển bền vững cơ sở hạ tầng ven biển**/ TS. Nguyễn Ngọc Trực, PGS.TSKH. Trần Mạnh Liểu; PGS.TS. Đỗ Minh Đức; TS. Trần Thị Lựu; ThS. Nguyễn Công Chính; ThS. Nguyễn Mạnh Tùng; KS. Nguyễn Văn Chinh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm sáng tỏ các quá trình tương tác hóa lý (của khoáng vật sét trong đất trầm tích holocene với các ion trong nước biển). Định lượng hóa sự biến đổi các đặc tính địa kỹ thuật của đất trầm tích holocene trong các điều kiện xâm nhập mặn. Xây dựng phương pháp tính cố kết - biến dạng mới cho đất nhiễm mặn.

Số hồ sơ lưu: 16866

76026. 06-2021. **Nghiên cứu khả năng tận dụng khí và nhiệt thải các nhà máy hóa chất, thép trong KCN Tằng Loỏng Lào Cai để phát điện**/ ThS. Trịnh Hoàng Long, ThS. Phạm Đông Hải; ThS. Nguyễn Ngọc Oánh; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; KS. Lê Nhuận Vĩ; ThS. Phạm Văn Tiến; KS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Vũ Chí Công; KS. Phan Ngọc Tuyên; ThS. Vũ Thị Thu Thủy; CN. Nguyễn Văn Tản - Hà Nội - Viện năng lượng, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá khả năng tận dụng khí thải ô nhiễm từ các nhà máy hóa chất và thép trong KCN. Nghiên cứu và đánh giá các điều kiện cần thiết để có thể thu hồi và tái sử dụng khí thải. Phân tích những chi phí lợi ích và khó khăn của việc tận dụng khí thải của các nhà máy thép và hóa chất để phát điện, tiết kiệm năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường và chủ động về nguồn điện cung cấp cho sản xuất của các nhà máy.

Số hồ sơ lưu: 16872

76601. 06-2021. **Mô hình hóa hạ tầng xanh phục vụ giảm thiểu ngập lụt đô thị lưu vực Tham Lương Bến Cát**/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Quân, GS. TS. Nguyễn Văn Thịnh; TS. Nguyễn Đức Cảnh; ThS. Trần Tuấn Hoàng; ThS. Nguyễn

Duy Hiếu; ThS. Trần Thị Vân Thư; CN. Nguyễn Văn Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm Mở, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập, tổng hợp đánh giá phân tích số liệu, dữ liệu khí tượng thủy văn, công trình tại khu nghiên cứu (hệ thống lưu vực kênh Tham Lương – Bến Cát); Cập nhật mô hình thủy lực, thoát nước lưu vực; Tích hợp hạ tầng xanh vào mô hình thủy lực thoát nước lưu vực; Đánh giá hiệu quả của hạ tầng xanh trong giảm thiểu ngập lụt đô thị; Đề xuất định hướng về quy hoạch hạ tầng xanh, phục vụ giảm thiểu ngập lụt trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-058-2020

76728. 06-2021. **Nghiên cứu mức độ ô nhiễm bùn thải từ nạo vét sông, kênh rạch của Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng sổ tay hướng dẫn về xử lý, sử dụng bùn thải từ quá trình nạo vét sông, kênh rạch.**/ TS. Phạm Đức Thiện, TS. Huỳnh Ngọc Phương Mai; TS. Nguyễn Thị Phương Loan; ThS. Đỗ Lâm Như Ý; ThS. Võ Thị Kim Diệp; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Trí Nam; KS. Phạm Thị Thanh Trâm; CN. Cái Vũ Tuyết Hằng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 12/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định mức độ ô nhiễm của bùn từ nạo vét sông, kênh rạch của thành phố; Xây dựng Sổ tay hướng dẫn về xử lý, sử dụng bùn thải từ quá trình nạo vét sông, kênh rạch trên địa bàn thành phố; Xây dựng cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chuẩn về bùn nạo vét trên địa bàn thành phố. Tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý và xử lý bùn phát sinh từ nạo vét sông, kênh rạch của TPHCM

Số hồ sơ lưu: HCM-073-2020

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

75946. 06-2021. **Nghiên cứu tái sử dụng tro than từ các nhà máy nhiệt điện làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu mao quản trung bình (MCM-41) phục vụ công tác bảo vệ môi trường**/ TS.Vũ Đình Hiếu, GS.TS. Bùi Xuân Nam; PGS.TS. Bùi Hoàng Bắc; TS. Nguyễn Đình An; ThS. Lê Quí Thảo; ThS. Nguyễn Hoàng; ThS. Đỗ Ngọc Hoàn - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2019 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nguồn tro than dồi dào từ các nhà máy nhiệt điện than của Việt Nam được khảo sát và lấy mẫu theo đúng quy chuẩn để đảm bảo lưu giữ đầy đủ thành phần hóa lý. Phân tích, nghiên cứu đặc điểm và thành phần các loại tro than bằng các phương pháp thông dụng ICP-AES, XRD, SEM, TEM... , sử dụng thiết bị hiện đại nhất và tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế (ASTM). Trên cơ sở số liệu phân tích các loại tro than ban đầu, nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn loại tro than phù hợp nhất triết xuất thành tiền chất silica tại phòng thí nghiệm. Từ tiền chất silica thu được,

phân tích, nghiên cứu đặc điểm nguồn silica thu được, đánh giá khả năng làm nguyên liệu đầu vào cho việc chế tạo MCM-41. Sử dụng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm để sản xuất thử nghiệm MCM-41 với các tỉ lệ tiền chất silica khác nhau kết hợp với các loại dung môi và hóa chất. Phân tích, nghiên cứu đặc điểm và thành phần các loại sản phẩm MCM-41 thu được bằng các phương pháp thông dụng ICP-AES, XRD, SEM, TEM... Kiểm tra các đặc tính của sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế và theo mục đích sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 16804

76002. 06-2021. **Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam**/ PGS.TS. Phan Quang Văn, ThS. Đào Trung Thành; PGS.TS. Nguyễn Phương; TS. Nguyễn Thúy Lan; PGS.TS. Thân Văn Liên; TS. Nguyễn Trường Giang; PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung; TS. Trịnh Đình Huấn; TS. Trần Thế Định; KS. Lê Nguyên Hiệu; TS. Đỗ Văn Nhuận; ThS. Đặng Thị Ngọc Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Trần Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2019 - 12/2015 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được đặc tính khoáng vật của khoáng sàng đất hiếm mỏ Nậm Xe, tiếp nhận quy trình công nghệ tuyển luyện và tách đơn nguyên tố đất hiếm từ quặng mỏ Nậm Xe, bao gồm quy trình tách urani, thori khỏi tinh quặng đất hiếm mỏ Nậm Xe. Đề xuất phương pháp khai thác, tuyển luyện đất hiếm tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời đề xuất giải pháp phục hồi môi trường sau khi đóng cửa mỏ.

Số hồ sơ lưu: 16854

209. Công nghệ sinh học công nghiệp

76015. 06-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất enzyme nattokinase tái tổ hợp ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm**/ PGS.TS. Ngô Thị Tường Châu, PGS.TS. Lê Văn Thiện; GS.TS. Nguyễn Hoàng Lộc; TS. Hồ Tuyên; PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Lan; TS. Phạm Đức Thuận - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 07/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình công nghệ lên men chìm sản xuất chế phẩm nattokinase tái tổ hợp, tạo chủng vi khuẩn B. subtilis tái tổ hợp sinh nattokinase. Xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị với công suất 100 lít dịch lên men/mẻ để sản xuất ít nhất 20 kg chế phẩm nattokinase tái tổ hợp (hoạt lực 20.000 FU/g) và 50.000 viên nén (hoạt lực 1.000 FU/viên). Đánh giá tính an toàn của sản phẩm viên nén nattokinase tái tổ hợp. Xây dựng và công bố bộ tiêu chuẩn cơ sở của viên nén thực phẩm chức năng được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận phù hợp với quy định về an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 16868

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

75981. 06-2021. **Nghiên cứu tính đa dạng thành phần loài, đa dạng di truyền và tìm kiếm hoạt chất sinh học các loài trong họ tiết dê (Menispermaceae) ở Việt Nam/** TS. Vũ Tiến Chính, TS. Bùi Hồng Quang; TS. Trần Thị Phương Anh; TS. Vương Duy Hưng; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Lê Ngọc Hân; ThS. Doãn Hoàng Sơn - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, nghiên cứu đa dạng loài của họ tiết dê Miền Bắc, Miền Trung và Tây Nguyên Việt Nam dựa trên khảo sát thực địa, so sánh mẫu bảo tàng, phân tích đặc điểm hình thái. Xây dựng cơ sở dữ liệu di truyền, hỗ trợ xác định các loài mới bằng sinh học phân tử. Phân tích hoạt tính sinh học của một số loài làm cơ sở khoa học cho việc định hướng khả năng ứng dụng làm thuốc của chúng.

Số hồ sơ lưu: 16836

210. Công nghệ nano

75961. 06-2021. **Nghiên cứu các tính chất từ và từ điện trở của các cấu trúc nano trên cơ sở vật liệu oxit có tính nửa kim loại và nhiệt độ chuyển pha từ cao/** PGS.TS. Nguyễn Phúc Dương, GS.TSKH. Thân Đức Hiền; TS. Đào Thị Thủy Nguyệt; TS. Tô Thanh Loan; TS. Lương Ngọc Anh; ThS. Lê Đức Hiền; ThS. Vũ Thị Hoài Hương - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 05/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu công nghệ chế tạo các mẫu có cấu trúc dạng hạt nano và màng mỏng của một số dạng oxit đặc tính nửa kim loại ở các dạng cấu trúc perovskite kép và spinen. Các mẫu khảo sát về cấu trúc và hình thái biên hạt, độ trật tự ion trong tinh thể, các tính chất từ và từ điện trở nhằm làm sáng tỏ các cơ chế vật lý và hướng tới các ứng dụng trong cảm biến từ có độ nhạy cao. Làm chủ công nghệ chế tạo các hệ hạt và các màng dạng hạt kích thước nanomet có cấu trúc perovskite kép và spinen. Làm sáng tỏ vai trò của trật tự ion, trạng thái hóa trị, hiệu ứng pha tạp và hiệu ứng giảm kích thước lên các tính chất sắt từ nửa kim loại của các mẫu hạt nano, vai trò của các hợp chất sắt từ nửa kim loại như là nguồn cung cấp dòng điện tử đơn spin. Khống chế tỷ số từ điện trở trong các mẫu bột ép và các màng dạng hạt có kích thước nano thông qua sự thay đổi phân bố kích thước hạt và mật độ biên hạt.

Số hồ sơ lưu: 16821

75964. 06-2021. **Cảm biến sinh học trên cơ sở dây nano ZnO và SnO2 biến tính nhằm phát hiện nhanh một số vi khuẩn gây bệnh/** TS. Đặng Thị Thanh Lê, TS. Trần Quang Huy; ThS. Nguyễn Văn Hoàng; KTV. Võ Thanh Được;

KTV. Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 08/2016 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển bộ cảm biến sinh học phát hiện nhanh một số vi khuẩn gây bệnh trên cơ sở dây nano ZnO và SnO2 biến tính. Tìm ra được các phương pháp hiệu quả cho phép chế tạo dây nano ZnO và SnO2 biến tính cho ứng dụng nhạy sinh học. Phát triển được cảm biến sinh học trên cơ sở dây nano ZnO và SnO2 biến tính. Làm sáng tỏ những hiểu biết sâu sắc hơn về tính chất nhạy và tính tương thích sinh học của các loại vật liệu nhận được. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nano.

Số hồ sơ lưu: 16822

75983. 06-2021. **Nghiên cứu phát triển và làm chủ quy trình công nghệ sản xuất bóng nong mạch và stent phủ thuốc bằng công nghệ Nano**/ ThS. Võ Xuân Bội Lâm, TS. Nguyễn Thượng Nghĩa; KS. Nguyễn Văn Thuận; ThS. Vũ Thị Kim Liên - Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhà Máy Trang thiết bị y tế USM Healthcare, 2019 - 10/2013 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ công nghệ sản xuất bóng nong mạch và stent phủ thuốc bằng công nghệ nano. Xây dựng thành công nhà máy sản xuất bóng nong mạch, stent phủ thuốc công nghệ nano đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, ISO13485 và ISO 9001. Xây dựng mô hình nghiên cứu là phát triển công nghệ phủ thuốc vào bóng nong mạch và stent phủ thuốc bằng công nghệ Nano theo tiêu chuẩn quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 16825

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

75949. 06-2021. **Các tính chất electronic của các cấu trúc nano dựa trên graphene và các vật liệu hai chiều liên quan**/ GS.TSKH. Nguyễn Văn Liễn, TS. Nguyễn Hải Châu; ThS. Nguyễn Thị Thùy Nhung; ThS. Đinh Thị Diệu Linh - Hà Nội - Viện Vật lý, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phổ năng lượng của các circular graphene quantum dots và quantum rings tạo bởi thế giam cầm tĩnh điện trên nền graphene liên tục. Phổ năng lượng là tính chất electronic quan trọng nhất, làm nền tảng cho việc nghiên cứu tiếp theo các tính chất điện và quang khác. Tính phổ các quasi-bound states (QBSs) và local density of states (LDOS) tương ứng, phân tích và so sánh kết quả nhận được với thực nghiệm. Nghiên cứu lý thuyết các vấn đề cơ bản của QI, trước hết là hiệu ứng quantum entanglement, liên quan với công trình kinh điển của Einstein, Podolsky, và Rosen (ÉPS). Đào tạo các nghiên cứu viên trẻ hứng thú với QI, tổ chức một lớp (school) có tính khu vực về QI trong năm tới.

Số hồ sơ lưu: 16807

75998. 06-2021. **Nghiên cứu chế tạo, tính chất của các vật liệu**

nano phức hợp từ tính có cấu trúc lõi-vỏ MFe2O4@F@Ag/TiO2 và khả năng ứng dụng/ TS. Lê Minh Tùng, TS. Nguyễn Viết Thịnh; TS. Đoàn Thị Ngọc Thanh; TS. Huỳnh Thanh Tuấn; ThS. Lê Thành Huy; ThS. Lê Khánh Vinh; ThS. Nguyễn Quang Hòa - Tiền Giang - Trường Đại học Tiền Giang, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình công nghệ tổng hợp các vật liệu nano phức hợp từ tính có cấu trúc lõi vỏ. Phân tích các đặc trưng hóa lý và tính chất siêu thuận từ của các hệ vật liệu nano phức hợp chế tạo. Đánh giá hoạt tính diệt khuẩn/virus và cơ chế diệt khuẩn/virus của vật liệu MFe2O4@F@Ag/TiO2. Thử nghiệm khả năng ứng dụng hệ vật liệu nano phức hợp trong xử lý một số chất ô nhiễm trong nước và vật liệu nano phức hợp MFe2O4@F@Ag trong nhiệt từ trị. Phát triển công nghệ tổng hợp được các vật liệu nano phức hợp từ tính có cấu trúc lõi-vỏ MFe2O4@F@Ag/TiO2 có độ ổn định kích thước cao, phân tán đều trong dung dịch. Đánh giá được các đặc tính hóa-lý-từ tính, hoạt tính sinh học và cơ chế diệt vi khuẩn và virus gây bệnh phổ biến ở Việt Nam của các vật liệu nano phức hợp chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 16846

76506. 06-2021. **Nghiên cứu thiết kế tính toán quang phổ cấu trúc nano vàng bằng phương pháp tính toán hóa học lượng tử và so sánh với thực nghiệm chế tạo nano vàng với cấu trúc lưỡng tháp tam giác và ngôi sao bằng phương pháp vi sóng ứng dụng làm chất kháng kháng vi khuẩn hướng tới tạo ra các sản phẩm hỗ trợ điều trị viêm da.**/ ThS. Ngô Võ Kế Thành, PGS. TS. Phạm Trần Nguyên Nguyên; GS. Nguyễn Minh Thọ; PS. TS. Lâm Quang Vinh; ThS. Huỳnh Trọng Phát; TS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; CN. Lâm Hoàng Anh Thư - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2019 - 09/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tính toán, mô phỏng cấu trúc nano vàng bằng phương pháp hoá học lượng tử sử dụng phần mềm Gaussian trong việc dự đoán các tính chất quang của hạt nano vàng để tính toán và dự đoán các kích thước và hình dạng hạt nano vàng tạo ra nhằm so sánh với kết quả thực nghiệm; Tổng hợp nano vàng dạng kim tự tháp và ngôi sao bằng phương pháp vi sóng và gia nhiệt thông thường với mục tiêu tạo ra dung dịch nano vàng với hình dạng kim tự tháp và ngôi sao với kích thước dự kiến khoảng 45-116 nm; Khảo sát tính kháng khuẩn của dung dịch nano vàng chế tạo ra với mục tiêu cụ thể kháng khuẩn được 2 đối tượng vi khuẩn cụ thể là Escherichia coli (Gram âm) and Staphylococcus aureus (Gram dương).

Số hồ sơ lưu: HCM-041-2020

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

74701. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện phương pháp xác định tốc độ**

cháy tự do của thuốc lá điếu bằng cách xác định các đặc tính vật lý của thuốc lá và sản phẩm thuốc lá/ ThS. Nguyễn Duy Chiến, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phương pháp xác định tốc độ cháy tự do của thuốc lá điếu. Đánh giá hiện trạng áp dụng phương pháp xác định tốc độ cháy tự do của thuốc lá điếu bằng cách xác định các đặc tính vật lý của thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá theo TCVN 7261: 2003. Soát, xét Tiêu chuẩn TCVN 7261:2003 nêu ra những điểm không phù hợp, những bất cập còn tồn tại, cụ thể: phạm vi áp dụng; tiêu chuẩn trích dẫn; các định nghĩa, khái niệm; các yêu cầu kỹ thuật. Xây dựng báo cáo đề xuất tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 7261:2003 phương pháp xác định các đặc tính vật lý của thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá.

Số hồ sơ lưu: 16557

74703. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện phương pháp sắc ký khí để xác định nicotin trong phần ngưng tụ của khói thuốc**/ KS. Nguyễn Bạch Dương, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về phương pháp xác định nicotin trong phần ngưng tụ của khói thuốc. Đánh giá hiện trạng áp dụng phương pháp sắc ký khí để xác định nicotin trong phần ngụng tụ của khói thuốc theo TCVN 6679:2008. Hoàn thiện phương pháp sắc ký khí để xác định nicotin trong phần ngưng tụ cùa khói thuốc. Đề xuất tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 6679:2008 thuốc lá - xác định nicotin trong phần ngưng tụ của khói thuốc - phương pháp sác ký khí.

Số hồ sơ lưu: 16561

74704. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản lý chất lượng đối với thuốc lá điếu đầu lọc**/ ThS. Đào Anh Tuyên, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng thiết bị và công nghệ sản xuất thuốc lá điếu đầu lọc, nghiên cứu tổng quan các tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia về thuốc lá điếu đầu lọc và soát xét những bất cập của tiêu chuẩn TCVN 6666:2000 thuốc lá điếu đầu lọc. Thử nghiệm, phân tích các chỉ tiêu lý học các sản phẩm thuốc lá điếu đầu lọc loại super slim, slims, đemi slims, king size, compact sản xuất tại Việt Nam. Thử nghiệm, phân tích hàm lượng silic dioxit trong sợi và tar, nicotin trong khói các sản phẩm thuốc lá điếu đầu lọc loại super slim, slims, demi slims, king size, compact sản xuất tại Việt Nam. Đề xuất yêu cầu kỹ thuật, xây dựng Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 6666:2000.

Số hồ sơ lưu: 16560

74705. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề**

xuất các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản lý chất lượng đối với thuốc lá điếu không đầu lọc/ KS. Kiều Văn Tuyển, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng và những thay đổi về thiết bị và công nghệ sản xuất thuốc lá điếu không đầu lọc. Nghiên cứu đánh giá tổng quan về các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản lý chất lượng trong tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia về thuốc lá điếu không đầu lọc, soát, xét tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6667:2000 thuốc lá điếu không đầu lọc, nêu ra những điểm không phù hợp, những bất cập của các tiêu chuẩn còn tồn tại. Đề xuất các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản lý chất lượng đối với thuốc lá điếu không đầu lọc. Xây đựng báo cáo đề xuất tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 6667:2000 thuốc lá điếu không đầu lọc.

Số hồ sơ lưu: 16562

74706. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện phương pháp xác định độ ẩm sợi của thuốc lá**/ ThS. Chu Cao Khánh, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp xác định độ ẩm sợi của thuốc lá. Hiện trạng áp đụng phương pháp xác định độ ẩm sợi của thuốc lá theo TCVN 6675:2000 thuốc lá. Xác định độ ẩm sợi, nêu ra những điểm không phù hợp, những bất cập cùa các tiêu chuẩn còn tồn tại. Phân tích thử nghiệm, đề xuất hoàn thiện phương pháp xác định độ ẩm sợi thuốc lá, độ ẩm thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Xây dựng báo cáo đề xuất Tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 6675:2000 thuốc lá

Số hồ sơ lưu: 16559

74707. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hoàn thiện định nghĩa và các điều kiện chuẩn về máy hút thuốc lá phân tích thông dụng**/ KS. Nguyễn Thanh Bình, - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia về định nghĩa và các điều kiện chuẩn về máy hút thuốc lá phân tích thông dụng. Phân tích, đánh giá các điều kiện chuẩn về máy hút thuốc lá phân tích thông dụng trên cơ sở ISO 3308:2012, ISO 558:1980, ISO 4387: 2000, ISO 6565:2015, ISO 7210:2013. Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện chuẩn về máy hút thuốc lá phân tích thông dụng đưa ra các định nghĩa và các điều kiện chuẩn về máy hút thuốc lá phân tích thông dụng. Xây dựng báo cáo đề xuất Tiêu chuẩn quốc gia thay thế TCVN 7096:2002 máy hút thuốc lá phân tích thông dụng - định nghĩa và các điều kiện chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 16558

75999. 06-2021. **Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất định hướng ưu tiên trong hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu**

tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành công thương./ ThS. Nguyễn Mạnh Thắng, ThS. Phan Cẩm Tú; TS. Dương Xuân Diêu; TS. Nguyễn Thị Hiền Anh; ThS. Kiều Nguyễn Việt Hà; ThS. Nguyễn Bá Chiến; ThS. Đào Xuân Điệp; ThS. Trần Minh; TS. Đào Trọng Cường; ThS. Trần Mạnh Hà - Hà Nội - Vụ Khoa học và Công nghệ, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất định hướng ưu tiên trong hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành công thương. Đánh giá hiện trạng hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn 2011 - 2017. Nghiên cứu, đánh giá yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ phục vụ quá trình tái cơ cấu của ngành công thương. Đề xuất định hướng ưu tiên trong hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành công thương.

Số hồ sơ lưu: 16847

76047. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống phục vụ giáo dục STEM thông minh dựa trên nền tảng ICT**/ ThS. Lương Công Duẩn, ThS. Bùi Thị Dân; ThS. Vũ Anh Đào; ThS. Lê Đức Toàn; ThS. Nguyễn Quốc Dinh; KS. Trương Minh Đức; CN. Ngô Thị Minh Thu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo một hệ thống sản phẩm bao gồm: Bộ thiết bị phần cứng hỗ trợ học tập, phần mềm lập trình (IDE), hướng dẫn sử dụng thiết bị và tài liệu học lập trình cơ bản trên nền tảng bộ thiết bị. Tìm hiểu, phân tích được về sự phát triển của STEM và ảnh hưởng của giáo dục STEM đến tương lai. Phân tích về sự cần thiết cho lĩnh vực STEM ICT ở Việt Nam và lựa chọn các nền tảng và thiết bị phù hợp để chế tạo phần cứng. Lên danh sách các nhóm thiết bị phần cứng cần phát triển. Thiết kế, phát triển và hoàn thiện bộ thiết bị hỗ trợ giáo dục STEM ICT. Xây dựng ý tưởng và các tính năng cần thiết của phần mềm. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hoàn thiện phần mềm. Thử nghiệm tương tác giữa phần cứng và phần mềm. Xây dựng 2 bộ chương trình khung đào tạo STEM ICT, tài liệu hướng dẫn sử dụng và tài liệu hướng dẫn học lập trình hỗ trợ học STEM ICT. Thử nghiệm giảng dạy tại một số đơn vị. Xây dựng một giải pháp tổng thể bao gồm cả công cụ và chương trình bài giảng nhằm có thể cung cấp đến các trường học và các học sinh nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước.

Số hồ sơ lưu: 16897

3. Khoa học y, dược

302. Y học lâm sàng

30201. Nam học

74686. 06-2021. **Nghiên cứu xác định đột biến/đa hình gen chuyển hóa xenobiotics ứng dụng trong chẩn đoán vô sinh nam**/ PGS.TS. Trần Đức Phấn, ThS. Vũ Thị Huyền; TS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Võ Hùng; PGS.TS. Lương Thị Lan Anh; TS. Đoàn Thị Kim Phượng; TS. Nguyễn Hoài Bắc; ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc; CN. Nguyễn Xuân Tùng; CN. Lã Đình Trung; ThS. Bùi Thị Nga; ThS. Trần Lê Giang - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được đột biến/đa hình của các gen chuyển hóa xenobiotics (CYP1A1, NAT2, GSTP1) ở người nam vô sinh. Phân tích mối liên quan giữa đột biến/đa hình gen chuyển hóa xenobiotic với đặc điểm tinh dịch đồ, mức độ stress oxy hóa và đứt gãy DNA tinh trùng. Xây dựng được quy trình xác định đột biến/đa hình của các gen chuyển hóa xenobiotics (CYP1A1, NAT2, GSTP1) trong chẩn đoán vô sinh nam.

Số hồ sơ lưu: 16537

30209. Gây mê

76642. 06-2021. **Kiểm soát tình trạng thay đổi độ sâu trong gây mê bằng phương pháp trí tuệ nhân tạo**/ PGS.TS. BS. Nguyễn Văn Chinh, PGS. TS. BS. Phạm Văn Bùi; TS. Nguyễn Tài; BS CKII. Võ Đức Chiến; ThS. BS. Nguyễn Quang Vinh; Đinh Thị Hồng Nhung; Nguyễn Thị Hồng Nhung - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định chỉ số gây mê sâu trong giai đoạn gây mê và tỉnh mê. Xác định sự đáp ứng của mỗi cá nhân đối với sự dẫn mê bằng thuốc mê tĩnh mạch. Đề xuất chỉ số gây mê sâu nhằm kiểm soát tình trạng thay đổi của bệnh nhân trong gây mê. Sự thức tỉnh trong gây mê sẽ xảy ra khi bệnh nhân được gây mê không đủ liều thuốc. Điều này sẽ làm bệnh nhân rơi vào tình trạng thức tỉnh khi đang được phẫu thuật, từ đó dẫn đến bệnh nhân sẽ cảm thấy đau, hoặc nghe các cuộc nói chuyện trong quá trình phẫu thuật. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến bệnh nhân sẽ bị stress sau phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: HCM-060-2020

30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng

76644. 06-2021. **Sức khỏe răng miệng của cư dân thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan 2019**/ TS. BS. Hoàng Trọng Hùng; ThS. BSCK II. Nguyễn Đức Minh, - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tình trạng sức khỏe răng miệng của người dân Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2018 và 2019. Khảo sát các các yếu tố xã hội có ảnh hưởng lên mô hình bệnh tật răng miệng của cư dân thành phố Hồ

Chí Minh theo tiêu chí của WHO 2013. Đánh giá tác động của các vấn đề răng miệng đến chất lượng cuộc sống của người dân TP. HCM hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HCM-061-2020

30219. Tiêu hoá và gan mật học

76702. 06-2021. **Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị thực nghiệm chuột tổn thương gan bằng nhân tố kích thích tăng trưởng bạch cầu hạt (GCSF - Granulocyte Colony Stimulating Factor) kết hợp thuốc plenastem/** ThS. Lê Văn Trình, CN. Đỗ Quang Huy; TS. Trương Hải Nhung; CN. Đặng Minh Thành; ThS. Nguyễn Hải Nam - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 05/2018 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đã hoàn thiện được quy trình tạo mô hình chuột tổn thương gan do thắt ống dẫn mật. Đây là phương pháp hiệu quả cao cho việc tạo mô hình chuột tổn thương gan, đặc biệt là thời gian tạo mô hình ngắn chỉ trong vòng 7 ngày. Do đó, có thể rút ngắn được thời gian cho các nghiên cứu khác có sử dụng đến mô hình chuột tổn thương gan. Mô hình chuột tổn thương gan là một công cụ nghiên cứu phổ biến, hữu ích cho các thử nghiệm nghiên cứu về phát triển thuốc hay các liệu pháp điều trị bệnh tổn thương gan.

Số hồ sơ lưu: HCM-071-2020

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

75987. 06-2021. **Nghiên cứu dấu chuẩn methyl hóa DNA các gen mã hóa miRNA34 và protein SHOX2 ở bệnh nhân Việt Nam bị ung thư vú và ung thư phổi/** PGS.TS. Võ Thị Thương Lan, ThS. Tạ Bích Thuận; ThS. Phạm Anh Thùy Dương; TS. Nguyễn Quỳnh Uyển; ThS. Hồ Viết Hoành; KTV. Nguyễn Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 05/2016 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tình trạng methyl hóa SHOX2 và miRNA-34s ở bệnh nhân Việt Nam bị ung thư phổi và ung thư vú và mối liên quan giữa dấu chuẩn methyl hóa DNA SHOX2 và miRNA34s với kết quả mô bệnh học ung thư. Đánh giá vai trò tiềm năng của từng loại dấu chuẩn cho bệnh nhân ung thư Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16834

76737. 06-2021. **Giá trị các chỉ dấu sinh học hTERT mRNA, AFP, AFP-L3, DCP trong phát hiện bệnh ung thư tế bào gan./** PGS. TS. Nguyễn Hoàng Bắc, PGS.TS Nguyễn Hoàng Bắc; PGS.TS Nguyễn Thị Băng Sương; TS.BS. Trần Công Duy Long; ThS. Nguyễn Hữu Huy - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình định lượng nồng độ hTERT mRNA trong huyết thanh bệnh nhân bằng real-time RT-PCR. Xác định giá trị cắt cho độ

nhạy và độ đặc hiệu tối ưu của xét nghiệm hTERT mRNA và Des-γ-carboxyprothrombin, α-fetoprotein, AFP-L3 trong tầm soát HCC tại Việt Nam. Đánh giá mối tương quan giữa một số dấu hiệu cận lâm sàng của bệnh nhân với chỉ số hTERT mRNA và Des-γ-carboxyprothrombin, α-fetoprotein, AFP-L3.

Số hồ sơ lưu: HCM-076-2020

30226. Lão khoa, Bệnh người già

76700. 06-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của đột biến lên cấu trúc và hoạt động của chuỗi peptides Amyloy Beta: hướng đến ức chế bệnh Alzheimer**/ ThS. Trần Thị Minh Thư, GS. TSKH. Mai Xuân Lý; ThS. Phạm Đăng Lân; ThS. Phan Minh Trường; ThS. Nguyễn Hoàng Linh - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm Khoa học Sự Sống, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tích tụ của Aβ42 bao gồm những ảnh hưởng của môi trường và những biến đổi cơ học trong cấu trúc nội tại của protein. Hiểu được các yếu tố quyết định đến tốc độ tích tụ của protein là một điều lý thú vì các đám rối protein liên quan đến rất nhiều bệnh về suy thoái thần kinh. Các nghiên cứu uy tín trước đây cho rằng, tính chất kị nước, điện tích và thành phần liên quan xu hướng tạo sợi ở trạng thái monomer kiểm soát tốc độ tụ tập của protein. Cấu trúc tìm được từ thực nghiệm cho thấy trạng thái sợi của protein có cấu trúc phiến beta chéo. Do đó, những monomer có thành phần nhiều beta được cho rằng sẽ tạo sợi nhanh hơn những monomer có thành phần ít beta hơn.

Số hồ sơ lưu: HCM-070-2020

30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền

75911. 06-2021. **Đánh giá hiệu quả bài thuốc "Độc hoạt tang ký sinh thang" kết hợp cấy chỉ đối với bệnh nhân đau thần kinh tọa mạn tính do thoái hóa cột sống thắt lưng tại bệnh viện Y học Cổ truyền Phạm Ngọc Thạch Lâm Đồng năm 2018 - 2019**/ BSCKII. Nguyễn Văn Trịnh, BSCKII. Trần Thị Tiến; BSCKI. Phạm Hữu Hòa; BSCKI. Đoàn Ngọc Khanh; ThS. Bùi Thế Sáu; BSCKI. Nguyễn Văn Minh; BS. Mai Thùy Dương; DS. Võ Minh Thông; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà - Lâm Đồng - Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch Lâm Đồng, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đau dây thần kinh toạ (dây thần kinh hông to, dây thần kinh ngồi) là một bệnh lý khá phổ biến trong lâm sàng các bệnh về nội khoa, do nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên, trong đó khoảng 80% do thoái hóa ở cột sống vùng thắt lưng. Hội chứng này ít gây ảnh hưởng đến tính mạng, nhưng làm suy giảm khả năng làm việc và sinh hoạt của người bệnh, có lúc để lại hậu quả làm cho người bệnh tàn phế.thường gặp ở nam nhiều hơn nữ và đa số ở độ tuổi lao động. Đối tượng nghiên cứu: bao gồm 105 bệnh nhân được chẩn đoán đau thần kinh tọa do thoái hóa cột sống thắt lưng điều trị tại các khoa:

Khoa Nội, Khoa Châm cứu, Khoa Nội nhi, Khoa Khám bệnh bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch, Lâm Đồng.Phương pháp nghiên cứu: thực nghiệm lâm sàng, so sánh trước và sau điều trị. Nghiên cứu được sự cho phép của Hội đồng khoa học Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch Lâm Đồng. Các bệnh nhân đều tự nguyện hợp tác trong nghiên cứu. Nghiên cứu chỉ nhằm bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cho bệnh nhân, không nhằm mục đích nào khác. Khi đối tượng nghiên cứu có dấu hiệu bệnh nặng thêm, hoặc bệnh nhân yêu cầu dừng nghiên cứu, thì sẽ được ngừng nghiên cứu hoặc thay đổi phác đồ điều trị.Kết quả nghiên cứu: Số bệnh nhân đạt kết quả tốt là 81,9%; Số bệnh nhân đạt kết quả khá là 12,3%; Số bệnh nhân đạt kết quả trung bình là 5,8%.Phương pháp cấy chỉ kết hợp với uống bài thuốc "Độc hoạt tang ký sinh thang" có hiệu quả trong việc chữa đau thần kinh tọa do thoái hóa cột sống thắt lưng. Phương pháp này có ưu điểm là người bệnh ít phải châm cứu hàng ngày (7 đến 10 ngày) mà vẫn có tác dụng kích thích huyệt vị chữa bệnh. Cho nên phương pháp này phù hợp đối với các trường hợp không có điều kiện đi châm cứu hàng ngày, phù hợp với bệnh nhân điều trị ngoại trú. Phương pháp này nên được áp dụng triển khai ở cơ sở Y tế có Khoa Y học cổ truyền.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-003

303. Y tế

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

75912. 06-2021. **Đánh giá thực trạng dịch vụ nấu ăn lưu động và một số yếu tố liên quan tại Lâm Đồng năm 2018-2019**/ CNCKI. Nguyễn Văn Phi, ThS.BS. Phạm Thị Vân Anh; BSCKII. Nguyễn Quốc Minh; BSCKII. Bùi Văn Độ; ThS. Nguyễn Hữu Phúc; ThS. Đặng Thị Dậu; ThS. Huỳnh Thiên Phúc; ThS. Phạm Thị Thùy Trang; ThS. Phạm Thị Thanh Thương; CN. Trịnh Thị Lan Anh - Lâm Đồng - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng, 2019 - 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mô tả thực trạng điều kiện an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ nấu ăn lưu động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2018 - 2019. Đánh giá kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến tại các cơ sở nấu ăn lưu động tỉnh Lâm Đồng năm 2018 - 2019. Xác định một số yếu tố liên quan đến điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 43 đạt điều kiện VSATTP chiếm 56,57%, có 28 cơ sở không đạt chiếm 36,9%. Có 5 cơ sở chưa có giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP cơ sở đạt 2 chiếm tỉ lệ 2,63% còn lại 3 cơ sở không đạt chiếm tỉ lệ 3,9%. Thực hành đúng của nhân viên chế biến 0,8% nhân viên tham gia chế biến thực phẩm có sử dụng mũ che tóc. Có mối liên quan chặt chẽ giữa

kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm, việc sử dụng nguồn nước sạch, sử dụng các chất bảo quản có nguồn gốc của các cơ sở nấu ăn lưu động được nghiên cứu, quá trình vận chuyển bảo quản thức ăn đến nơi phục vụ đến việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-004

30308. Bệnh truyền nhiễm

76014. 06-2021. **Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, giá trị của các dấu ấn sinh học (biomarkers) trong tiên lượng bệnh sốt xuất huyết Dengue**/ PGS.TS. Bùi Vũ Huy, ThS. Đặng Thị Thúy; GS.TS. Nguyễn Văn Kính; TS. Tạ Thị Diệu Ngân; TS. Nguyễn Văn Vĩnh Châu; BSCK2. Nguyễn Thanh Trường; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng; TS. Ngô Ngọc Quang Minh; TS. Lê Văn Duyệt; TS. Đào Tuyết Trinh - Hà Nội - Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương, 2019 - 11/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc điểm dịch tễ học lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) năm 2017. Phân tích đặc điểm di truyền của vi rút Dengue gây dịch sốt xuất huyết năm 2017. Phân tích các yếu tố dự báo, tiên lượng bệnh sốt xuất huyết Dengue dựa vào các biomarkers. Xác định mối liên quan giữa lâm sàng, vi rút, biomarkers trong chẩn đoán và điều trị bệnh sốt xuất huyết Dengue.

Số hồ sơ lưu: 16865

304. Dược học

76001. 06-2021. **Nghiên cứu thực trạng chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam và đề xuất giải pháp**/ GS.TS. Nguyễn Thanh Bình, ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy; TS. Đỗ Xuân Thắng; ThS. Dương Viết Tuấn; TS. Trần Thị Lan Anh; DS. Nguyễn Minh Cường; ThS. Nguyễn Văn Thuận; ThS. Nguyễn Minh Hoài; ThS. Phạm Nữ Hạnh Vân; DS. Kiều Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2019 - 12/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng việc thực hiện một số quy định thực hành tốt nhà thuốc của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người bán thuốc tại các cơ sở bán lẻ thuốc của Việt Nam. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16856

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

75935. 06-2021. **Nghiên cứu cây bảy lá một hoa (Paris polyphylla var chinensis Smith.) theo hướng hỗ trợ điều trị ung thư vú**/ PGS.TS. Đỗ Thị Hà, ThS. Lê Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị Thu; TS. Nguyễn Thị Duyên; DS. Vũ Thị Diệp; ThS. Phạm Thị Thúy; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Anh; ThS. Cao Ngọc Anh;

PGS.TS. Đỗ Thị Thảo; TS. Nguyễn Thị Thu; TS. Trần Thanh Hà; PGS.TS. Lê Việt Dũng; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khởi; CN. Trần Thu Thủy; ThS. Mã Vân Kiều - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân lập một số hợp chất đặc trưng và thiết lập 2 chất chuẩn dược điển Việt Nam từ cây bảy lá một hoa. Xây dựng quy trình chiết xuất và bào chế 1 kg cao khô định chuẩn. Đánh giá tác dụng chống ung thư vú của một số hợp chất tinh khiết phân lập được (in vitro) và của cao khô định chuẩn (in vitro và in vivo) và xác định độc tính cấp của cao khô định chuẩn. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu, cao khô định chuẩn và xác định độ ổn định của cao khô định chuẩn bảy lá một hoa.

Số hồ sơ lưu: 16849

76540. 06-2021. **Nhân giống và xây dựng mô hình trồng nhằm thu nhận nguồn nguyên liệu để sản xuất thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị ung thư từ cây bìm bịp (Clinacanthus nutans)**/ TS. Bùi Đình Thạch, - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cây bìm bịp trồng mô hình với điều kiện: lượng phân hữu cơ bón lót: 20 tấn/ha, tủ rơm, khoảng cách cây trồng 50 cm có kết quả ghi nhận phù hợp với điều kiện khảo sát. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình trồng cây bìm bịp để có cơ sở nhân rộng mô hình. Thử nghiệm độc tính của viên nén và hoạt tính hỗ trợ điều trị ung thư trên mô hình thực nghiệm. Theo dõi và đánh giá độ ổn định của viên nén chứa cao chiết bìm bịp theo thời gian.

Số hồ sơ lưu: HCM-048-2020

30404. Hoá dược học

74687. 06-2021. **Nghiên cứu thiết lập quy trình chế tạo chế phẩm nano từ curcumin và chitosan bằng phương pháp chiếu xạ phối hợp xử lý hóa học để thăm dò khả năng làm lành vết thương và điều trị sẹo**/ TS. Nguyễn Minh Hiệp, ThS. Trần Thị Thủy; TS. Bùi Chí Bảo; CN. Lê Hữu Tư; ThS. Nguyễn Trọng Hoành Phong; ThS. Nguyễn Duy Hạng; ThS. Lê Xuân Cường; KTV. Nguyễn Tường Ly Lan; CN. Phạm Thị Sâm; CN. Trần Thị Tâm; ThS. Phạm Ngọc Duy; CN. Nguyễn Tấn Mân; CN. Lê Văn Toàn - Đà Lạt - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Chiếu xạ cắt mạch và thu nhận phân đoạn oligochitosan. Khảo sát điều kiện tối ưu quá trình tổng hợp phức hợp nano giữa curcumin và oligochitosan. Khảo sát điều kiện tối ưu quá trình tổng hợp liposome chứa curcumin bao phủ bằng oligochitosan; độc tính tế bào của hai hệ nano curcumin (liposome bao phủ oligochitosan; phức hợp nano giữa curcumin và oligochitosan) và ảnh hưởng của hai hệ nano lên sự sinh trưởng và phát triển của nguyên bào sợi. Tác dụng làm lành vết thương và khả năng điều trị sẹo của hai hệ nano curcumin trên động vật.

Hiệu quả của chế phẩm thử nghiệm (dạng kem và dạng màng) trên động vật. Phân tích, đánh giá kết quả và định hướng nghiên cứu kế tiếp.

Số hồ sơ lưu: 16540

305. Công nghệ sinh học trong y học

74676. 06-2021. **Nghiên cứu phát triển hệ thống thao tác tế bào sống tích hợp cảm biến cho kênh vi lỏng dựa trên kỹ thuật điện di điện môi**/ TS. Bùi Thanh Tùng, PGS.TS. Chử Đức Trình; PGS.TS. Trần Đức Tân; ThS. Bùi Thu Hằng; ThS. Đỗ Quang Lộc; ThS. Vũ Quốc Tuấn; KTV. Trần Như Chí - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế, mô phỏng nền tảng chip vi lỏng tích hợp các cơ cấu vi thao tác (micromanipulator) và vi cảm biến (microsensor) cho ứng dụng phát hiện tế bào sống hoặc protein với khả năng phát hiện chính xác, tự động hoá cao, rút ngắn thời gian xét nghiệm và phân tích. Xây dựng quy trình chế tạo, thử nghiệm và đánh giá hệ thống kênh dẫn vi lỏng tích hợp cảm biến điện dung và cấu trúc điều khiển điện môi điện di (DielectrophoresisDEP) dựa trên công nghệ vi chế tạo và vật liệu polymer tương thích sinh học (dimethylpolysiloxane-PDMS).
Bước đầu thử nghiệm hệ thống cảm biến để phát hiện một số loại tế bào sống phổ biến trong xét nghiệm y sinh học.

Số hồ sơ lưu: 16544

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

76746. 06-2021. **Khảo sát sự tích lũy Germanium trong sinh khối nấm Ophiocordyceps sinesis và thử nghiệm hoạt tính gây độc tế bào ung thư**/ ThS. Nguyễn Tài Hoàng, ThS. Lê Quốc Phong; ThS. Trần Minh Trang; CN. Nguyễn Thị Trà My; CN. Nguyễn Thị Thương; CN. Phạm Tiến Dũng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp thêm dữ liệu khoa học về làm giàu khoáng vi lượng Ge trong nấm, làm tiền đề cho những nghiên cứu sâu hơn. Cho thấy được giá trị dược liệu của nấm O. sinensis và Ge hữu cơ đối với con người. Bên cạnh đó nghiên cung cấp thêm cơ sở, dữ liệu về làm giàu Ge trong nấm O.sinensis.

Số hồ sơ lưu: HCM-078-2020

4. Khoa học nông nghiệp

75778. 06-2021. **Ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm cây hoa cảnh tại làng nghề thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**/ CN. Lê Văn Tâm, TS. Nguyễn Thị Tố Trân - - Liên hiệp các hội KHKT Bình Định, 2019 - 02/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra đánh giá hiện trạng, đề xuất một số số giải pháp phát triển làng nghề hoa cảnh Bình Lâm theo hướng bền vững. Tuyển chọn được 2-3 loài hoa cảnh mới phù hợp điều kiện làng hoa Bình Lâm và nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng. Xây dựng 2 mô hình trình diễn sản xuất hoa cảnh gắn với chuyển giao ứng dụng tiến bộ KHKT tại làng nghề Bình Lâm.

Số hồ sơ lưu: BDH-2019-014

75905. 06-2021. **Bệnh viêm tử cung trên bò do vi khuẩn gây ra và xây dựng phác đồ điều trị tại tỉnh Bến Tre**/ Thạc sĩ Ngô Hoàng Khanh, ThS Ngô Hoàng Khanh; PGS TS Nguyễn Trọng Ngữ; TS Hồ Văn Thiệt; TS Bùi Trường Thọ; Nguyễn Văn Trung; Huỳnh Phước Hoàng - Bến Tre - Trung tâm Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bến Tre, 2019 - 11/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định được sự hiện diện của vi khuẩn trong bệnh viêm tử cung trên đàn bò. Xây dựng được phác đồ trị hiệu quả trên bò cái nhiễm bệnh. Đánh giá khả năng thụ thai cho bò cái sau khi điều trị khỏi bệnh.

Số hồ sơ lưu: BTE-130-2020

76457. 06-2021. **Đánh giá nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015-2020) và định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**/ ThS. Chu Phú Mỹ, ThS. Chu Phú Mỹ; ThS. Nguyễn Xuân Đại; TS. Nguyễn Hùng Cường; TS. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thoa; KS. Quách Gia Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Thu Hiền; ThS. Nguyễn Bá Hoài; ThS. Hoàng Thị Ánh; TS. Nguyễn Thị Diễm Hằng; TS. Trần Gia Long; ThS. Chu Văn Tuấn; TS. Ngọ Văn Ngôn; ThS. Đỗ Quốc Phấn; ThS. Hoàng Thị Huyền; ThS. Nguyễn Văn Quyến; ThS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Trần Thị Loan; ThS. Nguyễn Võ Kiên; KS. Võ Vân Hà; KS. Cấn Thị Thanh Hiền - Hà Nội - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, 0 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015 – 2020). Thực trạng phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội. Đánh giá chung về thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội. Các bài học kinh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Dự báo tình hình và những yếu tố tác động đến nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội đến

năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phương hướng, mục tiêu phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030. Kiến nghị đề xuất với Trung ương: Các vấn đề cần hoàn thiện về thể chế, chính sách; Các vấn đề về ưu đãi đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Thủ đô. Kiến nghị, đề xuất với Thành ủy: Các vấn đề về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; Các vấn đề về thu hút đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển nông nghiệp bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh CMCN 4.0

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-40/ĐK-TTTT&TK

401. Trồng trọt

75909. 06-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ công nghệ tưới nước, bón phân, phun thuốc tự động 3 trong 1 trên cây sầu riêng**/ KS.Hoàng Hồng Giang, KS. Trương Quang Lang; KS. K'Bảy - - Hội Nông dân huyện Đạ Tẻh, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong chăm sóc cây ăn trái nói chung, cây sầu riêng nói riêng tại một số xã của huyện Đạ Tẻh. Hỗ trợ, đầu tư xây dựng 03 mô hình ứng dụng đồng bộ về công nghệ tưới nước, bón phân, phun thuốc tự động trên cây sầu riêng giai đoạn kinh doanh nhằm giới thiệu, nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ cao trên cây sầu riêng. Tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về cách lắp đặt, vận hành, áp dụng mô hình cho hộ nông dân. Phối hợp với chính quyền địa phương chọn hộ để triển khai mô hình, dự kiến thực hiện tại xã Hương Lâm, Mỹ Đức và Quảng Trị, huyện Đạ Tẻh. Các hộ có diện tích sầu riêng chuyên canh ≥ 0,5 ha/ hộ; có nhu cầu lắp đặt và ứng dụng hệ thống tưới nước, bón phân, phun thuốc tự động chăm sóc cây sầu riêng; có đủ nguồn nước tưới trong mùa nắng; có khả năng đối ứng kinh phí thực hiện mô hình và chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-001

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

75962. 06-2021. **Sản xuất thử hai giống lúa chịu mặn OM8959 và OM11735 tại vùng đồng bằng sông Cửu Long**/ ThS. Đặng Thị Tho, ThS. Nguyễn Thị Dương; TS. Trần Đình Giỏi; KS. Mai Nguyệt Lan; ThS. Nguyễn Khắc Thắng; ThS. Lê Thị Mỹ Nhung; TS. Vũ Tiến Khang; TS. Đoàn Mạnh Tường; ThS. Nguyễn Thành Phước; KS. Phạm Văn Mịch - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện 2 quy trình canh tác trên hai giống lúa chịu mặn OM8959 và OM11735 công nhận cấp cơ sở cho vùng đồng bằng sông Cửu Long

(ĐBSCL). Xây dựng mô hình (3 mô hình/giống) sản xuất thương phẩm hai giống lúa OM8959, OM11735 ứng dụng các quy trình canh tác (quy mô 10 ha/giống) tại 3 tỉnh đại diện vùng mặn của ĐBSCL với năng suất trên 6,0 tấn/ha vụ đông xuân và năng suất trên 4,5 tấn/ha vụ hè thu. Tổ chức sản xuất hai giống lúa OM8959, OM11735 và cung ứng hạt giống các cấp siêu nguyên chủng (1 tấn), nguyên chủng (100 tấn) và xác nhận (200 tấn). Tham gia đào tạo tập huấn cho cán bộ kỹ thuật cho 80 cán bộ và 120 nông dân về kỹ thuật sản xuất giống các cấp và sản xuất thương phẩm hai giống lúa chịu mặn OM8959, OM11735 tại vùng ĐBSCL. Công nhận chính thức và bảo hộ hai giống lúa chịu mặn OM8959, OM11735 cho vùng ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 16870

75977. 06-2021. **Sản xuất thử giống lúa BC15 tại Đồng bằng sông Cửu Long**/ KS. Trần Mạnh Báo, ThS. Phạm Thị Kim Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Trần Thị Tiệc; KS. Bùi Thị Trà; KS. Nguyễn Văn Khanh; KS. Đỗ Văn Bắc; KS. Thái Thị Loan; KS. Lê Ngọc Hoa; ThS. Nguyễn Thị Dương - Thái Bình - Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed, 2019 - 11/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình canh tác giống lúa BC 15 cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và công nghệ sản xuất hạt giống lúa BC 15 các cấp (siêu nguyên chủng, nguyên chủng và xác nhận 1, xác nhận 2) tại các vùng trồng lúa chính của Đồng bằng sông Cửu Long. Tổ chức và liên kết với các doanh nghiệp sản xuất hạt giống các cấp để đảm bảo đủ lượng giống cung ứng cho ĐBSCL sản xuất trên 1.000 ha/năm lúa thương phẩm. Liên kết xây dựng cánh đồng mẫu lớn gieo trồng giống BC15 quy mô trên 200 ha/cánh đồng, năng suất đạt trên 7,0 tấn/ha vụ đông xuân và trên 6,0 tấn/ha vụ hè thu.

Số hồ sơ lưu: 16823

75982. 06-2021. **Nghiên cứu gói kỹ thuật canh tác lạc, vừng đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao cho các vùng trồng chính**/ ThS. Nguyễn Xuân Đoan, TS. Nguyễn Văn Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Thu; TS. Nguyễn Ngọc Quất; KS. Nguyễn Thị Hồng Oanh; KS. Nguyễn Chí Thành; PGS.TS. Lê Khả Tường; ThS. Nguyễn Trọng Dũng; ThS. Bùi Quang Định; KS. Nguyễn Văn Long - Hà Nội - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2019 - 01/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được giống lạc, vừng có năng suất cao, chất lượng tốt (lạc có năng suất 4,5 - 5,0 tấn/ha cho vùng thâm canh; 3,0 tấn/ha cho vùng nước trời; vừng có năng suất 1,2 - 1,4 tấn/ha cho vùng thâm canh và 0,7 - 0,9 tấn/ha vùng nước trời). Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác lạc (tại vùng Bắc Trung bộ và Trung du miền núi phía Bắc), vừng (tại vùng Bắc Trung bộ, vùng Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long) đạt hiệu quả kinh tế ≥ 20% so với đối chứng. Xây dựng mô hình thử nghiệm giống và kỹ thuật canh tác lạc tại các vùng: Trung du miền

núi phía Bắc và Bắc Trung bộ và giống, kỹ thuật canh tác vừng tại các vùng: Bắc Trung bộ, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long đạt hiệu quả kinh tế ≥ 20% so đối chứng.

Số hồ sơ lưu: 16832

75986. 06-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để xây dựng mô hình sản xuất giống lúa chất lượng Sơn Lâm 1 theo chuỗi giá trị liên kết tại tỉnh Thái Bình**/ KS. Đoàn Thị Thanh Huyền, GS.TS. Trần Duy Qúy; KS. Tô Đình Chiến; KS. Phạm Thị Thanh Thủy - Thái Bình - Công ty TNHH giống cây trồng Tiền Hải, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất theo chuỗi khép kín từ sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, xác nhận và lúa thương phẩm góp phần tăng thu nhập cho người trồng lúa ở Thái Bình. Chuyển giao và tiếp nhận thành công 04 quy trình kỹ thuật về sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng giống lúa Sơn Lâm 1, giống lúa xác nhận Sơn Lâm 1, quy trình kỹ thuật thâm canh lúa Sơn Lâm 1 và quy trình kỹ thuật thu hoạch và chế biến gạo chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 16833

75992. 06-2021. **Sản xuất thử giống khoai tây KT1 phục vụ ăn tươi và chế biến ở các tỉnh phía Bắc**/ ThS. Ngô Thị Huệ, ThS. Nguyễn Thị Nhung; KS. Hoàng Hữu Chung; KS. Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Nguyễn Mạnh Quy; KS. Chu Quang Mạnh; KTV. Nguyễn Thị Thắm - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện 01 quy trình nhân giống bằng phương pháp invitro kết hợp khí canh và 01 quy trình thâm canh giống khoai tây KT1 được công nhận cấp cơ sở phục vụ sản xuất khoai tây ở các tỉnh phía Bắc. Sản xuất 375.000 củ giống siêu nguyên chủng, 75 tấn giống nguyên chủng và 500 tấn giống khoai tây KT1 xác nhận. Xây dựng 4 mô hình sản xuất thương phẩm giống khoai tây KT1 (quy mô 5 ha/mô hình) đạt năng suất trên 22 tấn/ha, tỷ lệ củ to (Ø ≥ 45-50 mm) đạt trên 50%, tỷ lệ chất khô đạt 20-22%. Chuyển giao giống, quy trình kỹ thuật và giới thiệu mô hình trình diễn sản xuất giống khoai tây mới KT1 có năng suất cao, mở rộng diện tích, góp phần công nhận giống mới.

Số hồ sơ lưu: 16844

76009. 06-2021. **Xây dựng giải pháp công nghệ và mô hình hệ thống xử lý thông tin tích hợp hỗ trợ công tác chăm sóc cánh đồng lúa giống**/ ThS. Bùi Thị Thanh Phương, ThS. Nguyễn Ngọc Tú; TS. Nguyễn Thị Lài; ThS. Lương Duy Hiếu; ThS. Nguyễn Tuấn Hùng; ThS. Đoàn Hồng Quang; ThS. Ngô Nam Thạnh; KS. Nguyễn Thị Băp; ThS. Lê Hoàng Nam; KS. Hứa Thanh Xuân - Hà Nội - Viện Ứng dụng công nghệ, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng giải pháp thu thập xử lý số liệu hỗ trợ xác định, đánh giá một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát

triển và phát hiện các dấu hiệu sâu bệnh trên cánh đồng lúa giống bằng kỹ thuật xử lý ảnh. Xây dựng, triển khai giải pháp tự động thu thập, phân tích các thông số về môi trường (pH, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) tại cánh đồng lúa giống phục vụ xác định các chế độ chăm sóc phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 16861

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

75994. 06-2021. **Hoàn thiện quy trình nhân giống và sản xuất một số giống lan hồ điệp chất lượng cao ở quy mô công nghiệp ứng dụng công nghệ LED**/ ThS. Lương Thúy Hằng, ThS. Lê Quang Thái; ThS. Phan Xuân Bình Minh; ThS. Vũ Thị Phượng - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2017 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình và phát triển sản xuất hoa lan hồ điệp chất lượng cao sử dụng công nghệ LED ở quy mô công nghiệp phục vụ nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu. Hoàn thiện quy trình nhân giống in vitro và quy trình sản xuất lan hồ điệp thương phẩm ứng dụng công nghệ LED. Sản xuất được 50.000 cây con giống và 50.000 cây hoa thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 16852

76458. 06-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau ăn lá trong nhà lưới đạt tiêu chuẩn VietGAP TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**/ ThS. Nguyễn Thanh Thủy, ThS. Vũ Mạnh Hà; KS. Lê Thị Chung; KS. Lê Thị Vân; KS. Nguyễn Đăng Khoa; KS. Phạm Thị Xuân Diệu; KS. Trần Thị Liên; KS. Lê Văn Thành; ThS. Nguyễn Thanh Thịnh; ThS. Đào Thị Thùy Dương; KTV. Bùi Thế Sơn; CN. Nguyễn Minh Tâm - Đồng Nai - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp bền vững, 2019 - 03/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề xuất giải pháp phát triển sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP thông qua điều tra khảo sát; 10.000 m2 sản xuất rau ăn lá trong nhà lưới được cấp giấy chứng nhận VietGAP, năng suất > 30% và hiệu quả kinh tế tăng > 20% so với sản xuất ngoài nhà lưới; Nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP cho cán bộ kỹ thuật và nhà vườn trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Số hồ sơ lưu: DNI-01-2020

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

76003. 06-2021. **Nghiên cứu kỹ thuật thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng giống chè Kim Tuyên, PH10 phục vụ xuất khẩu đáp ứng thị trường Nhật Bản và Đài Loan**/ TS. Đặng Văn Thư, TS. Trần Xuân Hoàng; PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Trần Đặng Hoa; KS. Nguyễn Thị Phúc; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Xuân Cường; ThS. Nguyễn Hoàng Hà; ThS. Phạm Thị Như Trang - Phú Thọ - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cho giống chè PH10 và Kim Tuyên nhằm nâng cao năng suất, chất lượng đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ chế biến các sản phẩm chè xanh, chè ô long có giá trị hàng hóa cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, đáp ứng thị trường Nhật Bản và Đài Loan. Xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh và chế biến các sản phẩm chè xanh PH10 và Kim Tuyên. Xây dựng mô hình thâm canh cho 2 giống chè Kim Tuyên và PH10 tại một số vùng sinh thái, hiệu quả kinh tế tăng 20 – 50% so với so với quy trình hiện hành.

Số hồ sơ lưu: 16857

402. Chăn nuôi

76049. 06-2021. **Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất giống và chăn nuôi lợn 4 giống tại tỉnh Ninh Bình**/ Kỹ sư. Trần Văn Thìn, CN. Tống Duy Hưng; KS. Trịnh Văn Tươi; CN. Phạm Thị Nga; KTV. Vũ Thị Tuyết; TS. Trịnh Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Long Gia; TS. Nguyễn Thi Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; ThS. Hoàng Đức Long - Ninh Bình - Chi nhánh Trung tâm nghiên cứu và phát triển giống con nuôi cây trồng Ninh Bình, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng được khoa học và công nghệ trong sản xuất giống và chăn nuôi lợn 4 giống tại Ninh Bình, phát triển nghề chăn nuôi lợn ở Ninh Bình làm mô hình kiểu mẫu để nhân rộng trên địa bàn tỉnh và các địa phương lân cận. Tiếp nhận và chuyển giao 05 quy trình công nghệ sản xuất giống và chăn nuôi lợn 4 giống . Xây dựng được 04 mô hình chăn nuôi lợn: 01 mô hình lợn giống lợn 4 giống: quy mô 100 nái và 05 đực giống; 03 mô hình nuôi lợn 4 giống thương phẩm: 150 – 200 con/mô hình. Đào tạo 05 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 180 ượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 16894

76888. 06-2021. **Nuôi cua 3 giai đoạn**/ Ks. Nguyễn Thanh Trúc, Ks. Nguyễn Minh Dẽn; Ks. Nguyễn Văn Đoàn; Ks. Nguyễn Thanh Trúc - - UBND thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, 2019 - 06/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tỷ lệ cua sống đạt 80% thu hoạch đồng loạt, rút ngắn được thời gian nuôi của hộ dân, cua thương phẩm đạt kích cỡ đồng đều, ít dịch bệnh...hộ dân tham gia mô hình nắm được kỹ thuật nuôi, an tâm đầu tư, áp dụng khoa học kỹ thuật mới.

Số hồ sơ lưu: CMU-2019-021

40201. Sinh lý và hoá sinh động vật nuôi

76462. 06-2021. **Nghiên cứu đặc điểm sinh học và nhân nuôi sinh sản để phát triển chim Công lục (Pavo muticus imperator) trong điều kiện bán hoang dã có kết hợp nuôi nhốt tại Vườn quốc gia Cát Tiên.**/ TSKH. Bạch Thanh Hải, ThS. Lê Đức Khánh; CN. Nguyễn Văn Cường; CN. Hà Huy Bắc; Bà Quang Thị Thảo; Ông Trần Đình Hưng; TS. Lưu Hồng Trường; TS. Nguyễn Trần Vỹ; TS. Tomasso Savini; TS. Niti Sukumal - Đồng Nai

- Vườn Quốc gia Cát Tiên, 2019 - 08/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển loài chim Công xanh *(Pavo muticus imperator)* trong điều kiện bán hoang dã có kết hợp nuôi nhốt nhằm phục vụ công tác bảo tồn ngoại vi và nội vi tại Vườn quốc gia Cát Tiên. Bước đầu xác định đặc điểm, tập tính sinh thái học trong tự nhiên và khả năng sinh trưởng, phát triển và sinh sản chim Công xanh trong điều kiện bán hoang dã có kết hợp nuôi nhốt. Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân nuôi sinh sản và phát triển loài chim Công *(Pavo muticus imperator)*. Tạo ra số lượng 10- 20 con giống.

Số hồ sơ lưu: DNI-05-2020

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

75996. 06-2021. **Nghiên cứu tận dụng phụ phẩm của các nhà máy cồn để sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi**/ PGS.TS. Chu Kỳ Sơn, TS.Ionelia TARANU PGS.TS. Lê Thanh Mai; PGS.TS. Hồ Phú Hà; TS. Phạm Kim Đăng; TS. Nguyễn Tiến Thành; PGS.TS. Đỗ Khắc Uẩn; TS. Phạm Ngọc Hưng; TS. Nguyễn Ngọc Hoàng; PGS.TS. Lương Hồng Nga; TS. Từ Việt Phú; TS. Nguyễn Đức Trung; TS. Daniela MARIN; TS. Gina PISTOL; TS. Mihaela HABEANU; TS. Mihai GRAS; TS. Loredana CALIN; TS. Mariana STANCU; TS. Veronica CHEDEA; TS. Ionelia TARANU - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 06/2014 - 06/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra hiện trạng sản xuất cồn và phụ phẩm của ngành sản xuất cồn nhiên liệu và thực phẩm một số nhà máy sản xuất cồn và đánh giá được lượng phụ phẩm của các nhà máy cồn và phân tích chuỗi giá trị và đánh giá tiềm năng sử dụng phụ phẩm của nhà máy cồn. Nghiên cứu và xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất bã rượu khô ở quy mô phòng thí nghiệm (PTN) và đánh giá được thành phần hóa học và dinh dưỡng của bã rượu. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất bã rượu khô ở quy mô thử nghiệm (200 kg/mẻ) và đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế làm tiền đề cho sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho lợn và gà. Ứng dụng thử nghiệm bã rượu khô từ gạo và sắn trong khẩu phần thức ăn cho gà và lợn thịt. Xây dựng được quy trình sản xuất chế phẩm probiotic chứa hỗm hợp vi sinh vật L. acidophilus VAST, L. plantarum NCDN4 và bào tử Bacillus BAD7 ở quy mô PTN đạt trên 108 CFU/g chế phẩm sấy đông khô. Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường của quy trình công nghệ sản xuất bã rượu khô.

Số hồ sơ lưu: 16848

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

76656. 06-2021. **Hoàn thiện quy trình nuôi trăn đất - Python bivittatus Kuhl, 1820 sinh sản ở Thành phố Hồ Chí Minh**/ TS. Ngô Văn Trí, Nguyễn Xuân Đồng; Trần Văn Tiến; Huỳnh Thị Cẩm Duyên - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học

Nhiệt đới, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện qui trình nuôi trăn đất – Python bivittatus Kuhl, 1820 sinh sản ở quận Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh thông qua quá trình xây dựng chuồng trại thích hợp thiết kế theo "kiểu mô hình sinh thái", lắp đặt những thiết bị theo dõi các yếu tố môi trường như nhiệt độ và độ ẩm, chăm sóc, và phòng bệnh tốt nhằm cải thiện môi trường nuôi sinh trưởng. Tận dụng các nguồn protein thải loại như chuột, gà con thải loại, đầu cổ gà, heo thải loại và nghiên cứu chỉ số thức ăn (FCR) của mỗi loại thức ăn trong quá trình nuôi, nhằm hạ giá thành đầu vào của quá trình nuôi trăn đất.

Số hồ sơ lưu: HCM-062-2020

403. Thú y

40310. Vi rút học thú y

75985. 06-2021. **Nghiên cứu sản xuất kháng nguyên HA của virus cúm A/H5N1 có tính sinh miễn dịch cao bằng phương pháp biểu hiện tạm thời trên cây thuốc lá**/ TS. Vũ Huyền Trang, PGS.TS. Chu Hoàng Hà; PGS.TS. Phạm Bích Ngọc; GS.TS. Lê Trần Bình; ThS. Phạm Thị Vân; TS. Trần Xuân Hạnh; ThS. Hồ Thị Thương; TS. Nguyễn Trung Nam; TS. Hoàng Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thu Giang - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2019 - 12/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập thông tin và tổng hợp nhân tạo gen mã hoá kháng nguyên HA của các chủng virus cúm A/H5N1. Thiết kế các cấu trúc vector biểu hiện mang gen mã hóa kháng nguyên HA dưới dạng các oligomer của (HA-ELP)3 của từng chủng virus cúm A/H5N1. Hoàn thiện quy trình biểu hiện tạm thời kháng nguyên HA dạng oligomer (HA-ELP)3 của chủng virus cúm A/H5N1 ở thuốc lá. Đánh giá hoạt tính sinh học của protein kháng nguyên tinh sạch dạng oligomer (HA-ELP). Nghiên cứu này là cơ sở khoa học và thực nghiệm cho khả năng sản xuất vắc xin từ thực vật ở Việt Nam. Tiếp nhận công nghệ chế tạo kháng nguyên HA của cúm A/H5N1 trên cây thuốc lá từ đối tác Cộng hòa Liên bang Đức. Sản xuất kháng nguyên HA của cúm A/H5N1 có khả năng kích thích sinh đáp ứng miễn dịch ở động vật, bằng phương pháp biểu hiện tạm thời trên cây thuốc lá.

Số hồ sơ lưu: 16845

404. Lâm nghiệp

75979. 06-2021. **Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng cây gỗ lớn mọc nhanh (Thanh thất - Ailanthus triphysa Alston và Chiêu liêu nước - Terminalia calamansanai Rolfe) trên một số vùng sinh thái trọng điểm**/ PGS.TS. Phạm Thế Dũng, ThS. Nguyễn Thanh Minh; ThS. Phạm Văn Bốn; ThS. Nguyễn Văn Thiết; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Đỗ Thị Ngọc Hà; KS. Ninh Văn Tuấn; KS. Nguyễn Văn Chiến; CN. Phạm Thụy Nhật Truyền - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2018 - 01/2014 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Bổ sung cơ cấu cây trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, mọc nhanh, có năng suất, hiệu quả cao phục vụ trồng rừng kinh tế. Chọn được ít nhất 1 xuất xứ và 3 - 5 gia đình có triển vọng cho mỗi loài tại mỗi vùng khảo nghiệm. Xác định một số tính chất cơ lý và đề xuất định hướng sử dụng gỗ Thanh thất và Chiêu liêu nước. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật gây trồng cho mỗi loài.

Số hồ sơ lưu: 16827

40402. Tài nguyên rừng

76461. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi trồng nấm thực phẩm bạch hương Lentinula platinedodes phát hiện ở Vườn Quốc gia Cát Tiên**/ ThS. Phạm Ngọc Dương, KS. Nguyễn Thị Anh; PGS.TS Lê Xuân Thám; TS. Vũ Đình Duy - Đồng Nai - Vườn Quốc gia Cát Tiên, 2019 - 01/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát hiện, nghiên cứu để bảo tồn, khai thác nguồn nấm thực phẩm quý của nước ta. Định danh nấm về hình thái và sinh học phân tử đến tên loài. Xác định mối quan hệ họ hàng gần gũi với nấm hương truyền thống. Xác định môi trường giữ giống và nhân giống để bảo tồn giống và nhân giống phục vụ sản xuất. Xây d ựng quy trình nuôi trồng để áp dụng vào thực tiễn. Chủng loại nấm bạch hương ưa nhiệt phát hiện ở Vườn Quốc gia Cát Tiên được phân lập và làm thuần chủng trong phòng thí nghiệm có đủ điều kiện vô trùng và hệ thống tủ lạnh để bảo quản giống. Giống nấm thu nhập có màu nâu sáng, tai nấm hơi mỏng, nhưng dai và thơm. Các định ở mức phân tử đúng là nấm hương, tên khoa học là Lentinula platinedodes. Nấm có khả năng thương mại hóa được. Quy trình trồng nấm được xây dựng với quy mô thử nghiệm lớn 5.000 bịch phôi và thu được số lượng nấm bạch hương ưa nhiệt bán ra thị trường. Quy mô sản xuất này lớn có thể nói vợt quá pilot, đúng ra sản xuất đại trà. Thực tế nuôi trồng, ấm ra kích thước chưa đều, nhưng số lượng nhiều nên năng suất có thể chấp nhận được. Nhóm tác giả còn đầu tư bao bì, nhãn mác để phát triển sản phẩm, đây cũng là điểm đáng khuyến khích.

Số hồ sơ lưu: 01/TKC

40404. Sinh thái và môi trường rừng

76023. 06-2021. **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam**/ TS. Bùi Thị Minh Nguyệt, TS. Lã Nguyên Khang; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS.TS. Trần Quang Bảo; PGS.TS. Trần Hữu Dào; TS. Nguyễn Thị Xuân Hương; TS. Lê Đình Hải - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng triển khai các mô hình cho thuê môi trường rừng tại Việt Nam và lựa chọn được các mô hình có triển vọng áp dụng thực tiễn. Đề xuất khung giá cho thuê môi trường rừng, phương thức cho thuê và cơ chế quản lý sử dụng tiền cho thuê môi trường rừng. Dự

báo tiềm năng (mức độ huy động các đối tượng/thành phần tham gia, dự kiến nguồn thu), các tác động và nhân tố ảnh hưởng khi thực hiện cho thuê môi trường rừng ở Việt Nam. Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách cho thuê môi trường rừng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài nguyên rừng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 16899

405. Thủy sản

40503. Bệnh học thuỷ sản

76021. 06-2021. **Sản xuất thử nghiệm vắc xin phòng bệnh streptococcosis trên cá rô phi nuôi ở quy mô công nghiệp**/ TS. Nguyễn Hữu Vũ, TS. Nguyễn Đức Lưu; ThS. Hồ Thu Thủy; KS. Hoàng Bùi Tiến; TS. Nguyễn Thị Quỳ; ThS. Trần Thu Hiền; ThS. Trần Văn Khánh; ThS. Phạm Hồng Quân; ThS. Nguyễn Khắc Lâm; KS. Nguyễn Thị Trang - Hà Nội - Công ty cổ phần dược và vật tư thú y - HANVET, 2018 - 06/2015 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất và ứng dụng thành công vắc xin vô hoạt chất lượng cao, phòng bệnh streptococcosis trên cá rô phi nuôi ở quy mô công nghiệp. Dự án hoàn thành sẽ tạo ra một vắc xin phòng bệnh streptococcosis có hiệu quả cho cá rô phi. Giúp tăng thu nhập cho người nông dân, phát triển nghề nuôi cá rô phi bền vững, tăng cơ hội canh trên trên thị trường thế giới về các sản phẩm từ cá rô phi, góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 16892

40504. Nuôi trồng thuỷ sản

76043. 06-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng một số mô hình nuôi thủy sản phù hợp nhằm tạo sinh kế bền vững cho các xã ven đầm Nại, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.**/ ThS. Nguyễn Văn Dũng, ThS. Dương Ngọc Tân; KS. Phạm Đình Hà; KS. Trần Thanh Luôn; KS. Tôn Nữ Nguyên Hương; KS. Phạm Anh Phương; CN. Huỳnh Lê Hạ Uyên; CN. Nguyễn Thị Bích Phượng; CN. Nguyễn Nhật Phương Phương - Ninh Thuận - Trung tâm Giống Hải sản cấp I Ninh Thuận, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận quy trình kỹ thuật nuôi hàu Thái Bình Dương và kỹ thuật nuôi cá mú đen chấm đỏ tại đầm Nại, Ninh Thuận. Xây dựng mô hình nuôi hàu Thái Bình Dương và mô hình nuôi cá mú đen chấm đỏ tại đầm Nại, Ninh Thuận theo quy mô nông hộ. Ứng dụng thành công công nghệ nuôi hàu Thái Bình Dương (Crassostrea gigas) và nuôi cá mú đen chấm đỏ (Epinephelus coioides) trong ao đất tại 5 xã, thị trấn ven đầm Nại, Ninh Thuận góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi, khôi phục lại nghề nuôi trồng thủy sản tại những khu vực nuôi tôm liên tục bị dịch bệnh do thiếu nước ngọt. Xây dựng được 40 điểm mô hình nuôi hàu Thái Bình Dương, với quy mô 40 hộ dân (20 ha ao). Kích cỡ thu hoạch trung bình 10-12 con/kg, năng suất 14- 15 tấn/ha. Xây dựng được 10 điểm mô

hình nuôi cá mú đen chấm đỏ, với quy mô 10 hộ dân (2,5 ha ao). Kích cỡ thu hoạch trung bình > 1,0 kg/con, năng suất 8-10 tấn/ha. Đào tạo được 11 kỹ thuật viên và tập huấn cho 150 lượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 16886

76731. 06-2021. **Xây dựng quy trình nuôi và thu sinh khối vi tảo Thalassiosira sp. để phục vụ việc nâng cao chất lượng giống tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) tại Cần Giờ, TP.HCM/** ThS. Nguyễn Hữu Thanh, TS. Nguyễn Nhứt; ThS. Bùi Bá Trung; ThS. Nguyễn Thị Mai Anh; KS. Võ Trường Giang; CN. Hồ Hồng Nhung; CN. Lại Thị Minh Lê; CN. Hồ Hồng Nhung; CN. Đặng Thị Nguyên Nhàn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Quốc gia giống Hải sản Nam Bộ, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được qui trình công nghệ nuôi sinh khối, thu hoạch và tạo sản phẩm vi tảo Thalassiosira sp. ở dạng nhão và lỏng đậm đặc có thời gian bảo quản 1 đến 2 tuần, thay thế vi tảo tươi, đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng cho nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao chất lượng giống tôm thẻ chân trắng (Litopenaeusvannamei).

Số hồ sơ lưu: HCM-075-2020

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thuỷ sản

76750. 06-2021. **Đánh giá ảnh hưởng, tác động qua lại giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Cần Giờ và đề xuất giải pháp giảm nhẹ**/ ThS. Lê Mạnh Hùng, Ths. Nguyễn Thị Thanh Xuân; TS. Lê Hoài Nam; TS. Phạm Mạnh Tài; TS. Trần Quốc Bảo; TS. Trần Thị Mai Phương; TS. Nguyễn Nhứt; Võ Văn Phẳng; Nguyễn Trọng Ngọc; Đinh T Hồng Thắm; Võ Trần Phương; Phạm Trần Kiên - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Tư vấn và Kỹ thuật Môi trường, 2019 - 12/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp thông tin, cơ sở khoa học về mối tương quan giữa môi trường nước và hoạt động nuôi trồng thủy sản để hỗ trợ việc quy hoạch nuôi trồng thủy sản bền vững, phòng tránh rủi ro, phòng chống ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường bằng các giải pháp và biện pháp tổng hợp trên địa bàn huyện Cần Giờ nói riêng và của Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

Số hồ sơ lưu: HCM-079-2020

40506. Quản lý và khai thác thuỷ sản

76005. 06-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý và phát triển các cơ sở dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản**/ ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh, ThS. Nguyễn Quốc Tĩnh; KS. Phạm Văn Tuấn; TS. Nguyễn Phi Toàn; ThS. Phạm Văn Tuyển; ThS. Lê Văn Bôn; ThS. Lại Huy Toản; KS. Nguyễn Thành Công; TS. Nguyễn Khắc Bát; TS. Nguyễn Đình Phùng; ThS. Phạm Thị Thùy Linh - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết kinh nghiệm tổ chức, quản lý dịch vụ hậu cần nghề khai thác hải sản ở một số nước trong khu vực và quốc tế. Đánh giá hiện trạng tổ chức hệ thống hậu cần và quy mô, năng lực cung ứng dịch vụ của các cơ sở/loại hình dịch vụ hậu cần, xây dựng được bộ tiêu chí phát triển của hệ thống dịch vụ hậu cần nghề khai thác hải sản phù hợp với các loại hình cảng, bến cá. Thực trạng thể chế, tổ chức quản lý cơ sở/loại hình dịch vụ hậu cần nghề khai thác hải sản theo các quy mô khác nhau (Cảng cá loại 1, loại 2, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão). Đánh giá kết quả và tác động của chính sách về quản lý, khuyến khích đầu tư và phát triển các cơ sở/loại hình dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác hải sản. Xây dựng luận cứ và đề xuất các giải pháp tổ chức, quản lý hiệu quả các cơ sở, loại hình dịch vụ hậu cần phục vụ phát triển nghề khai thác phù hợp với quy mô và điều kiện thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 16860

76012. 06-2021. **Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nâng cao chất lượng dự báo ngư trường khai thác cá ngừ đại dương ở vùng biển Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Duy Thành, ThS. Nguyễn Hoàng Minh; ThS. Bùi Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hướng; TS. Vũ Việt Hà; PGS.TS. Nguyễn Đình Dương; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; PGS.TS. Đoàn Văn Bộ; PGS.TS. Phạm Văn Huấn - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2018 - 01/2015 - 04/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra các giải pháp kỹ thuật ứng dụng công nghệ viễn thám và sinh học để nâng cao độ tin cậy của dự báo vùng khai thác tiềm năng cá ngừ đại dương (Thunnus obesus, T. albacares và Katsuwonus pelamis) ở vùng biển Việt Nam. Xác định mối quan hệ chặt giữa cá ngừ đại dương với các yếu tố hải dương học. Có phương pháp, kỹ thuật giải đoán ảnh viễn thám biển đưa ra một số yếu tố hải dương học cơ bản phục vụ dự báo vùng khai thác tiềm năng cá ngừ đại dương. Xây dựng mô hình và phần mềm dự báo vùng khai thác tiềm năng cá ngừ đại dương có độ chính xác >70%.

Số hồ sơ lưu: 16863

5. Khoa học xã hội

75892. 06-2021. **Quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng các doanh nghiệp thủy sản tỉnh Bến Tre**/ PGS. TS Nguyễn Thành Hiếu, PGS. TS Nguyễn Thành Hiếu; ThS Nguyễn Thị Nga; ThS Dương Ngọc Hồng; TS Nguyễn Ngọc Trung; TS Nguyễn Vũ Hùng; TS Nguyễn Vân Hà; ThS Lê Phan Hòa; ThS Bùi Cẩm Vân; ThS Lại Mạnh Khang; TS Nguyễn Minh Tuấn; KS Phan Song Toàn; KS Trần Bích Lũy; Cn Đào Văn Lộc - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2019 - 03/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định là xác định các loại rủi ro có thể xảy ra đối với các doanh nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản tại tỉnh Bến Tre và sự tác động của nó đến mức độ liên kết giữa các thành viên của chuỗi cũng như kết quả kinh doanh của các thành viên này.

Số hồ sơ lưu: BTE-128-2020

501. Tâm lý học

76460. 06-2021. **Xây dựng phòng tâm lý học đường cho các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Biên Hòa, Đồng Nai**/ TS. Lê Minh Công, Đại tá, CN. Nguyễn Thọ Hải CN. Nguyễn Công Bình; TS. Phạm Thanh Bình; ThS. Đỗ Thanh Tâm; TS. Phạm Văn Thanh; ThS. Nguyễn Thành Công; ThS. Bùi Ngọc Diễm; CN. Trịnh Hoàng Diễm Phúc. - Đồng Nai - Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Sông phố, 0 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của phòng tâm lý học đường tại các trường phổ thông. Thử nghiệm mô hình hoạt động phòng tâm lý học đường tại các trường phổ thông trên địa bàn TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Đề xuất các giải pháp để triển khai mở rộng phòng tâm lý học đường tại các trường phổ thông trên địa bàn TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Số hồ sơ lưu: DNI-03-2020

502. Kinh tế và kinh doanh

75965. 06-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Hàn Quốc trong bối cảnh thực thi FTA Việt Nam - Hàn Quốc**/ CN. Nguyễn Thị Hồng Vân, ThS. Nguyễn Thu Huyền; CN. Nguyễn Thị Như Hoa; CN. Đào Văn Cường; CN. Tạ Hoàng Lan; CN. Trần Thị Ngọc Linh; ThS. Trương Thị Lan; CN. Bùi Thị Hoàng Yến; CN. Nguyễn Tuấn Tú - Hà Nội - Cục Xúc tiến thương mại, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu tổng quan về xúc tiến xuất khẩu và các yếu tố ảnh hưởng tới xúc tiến xuất khẩu sang một nước trong điều kiện thực thi FTA. Đánh giá thực trạng xúc tiến xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc và các yếu tố ảnh hưởng khi thực thi FTA. Định hướng và đề xuất các giải pháp xúc tiến xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Hàn Quốc trong bối cảnh thực hiện Hiệp định FTA.

Số hồ sơ lưu: 16841

75972. 06-2021. **Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng hướng tới phát triển bền vững các doanh nghiệp sản xuất chế tạo – Những vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm quốc tế**/ PGS.TS. Phan Chí Anh, TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Triệu Đình Phương; ThS. Nguyễn Anh Hào; ThS. Lê Đình Trường; ThS. Phùng Thị Xuân Hương - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Kinh doanh, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quát cơ sở lý thuyết quản trị chuỗi cung ứng, một số kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam về quản trị chất lượng chuỗi cung ứng. Nêu một số mô hình và phương pháp quản trị chất lượng chuỗi cung ứng. Đánh giá thực trạng hoạt động quản trị chất lượng chuỗi cung ứng tại một số doanh nghiệp sản xuất chế tạo Việt Nam so sánh với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Đề xuất khung phân tích quản trị chất lượng chuỗi cung ứng áp dụng trong các doanh

nghiệp sản xuất chế tạo thuộc lĩnh vực điện/ điện tử, xe hơi, chế tạo máy tại Việt Nam. Gợi ý và đề xuất một số giải pháp về thực hiện các yếu tố bảo đảm (thể chế, môi trường hạ tầng địa phương, nhân lực, công nghệ, tài chính) phục vụ việc áp dụng quản trị chất lượng chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16826

75974. 06-2021. **Tháo gỡ những rào cản trong tiếp cận vốn vay chính thức của hộ gia đình, góp phần xây dựng nông thôn mới ở khu vực Tây Bắc, Việt Nam.**/ TS. Đỗ Xuân Luận, TS. Nguyễn Thị Yến; TS. Hà Quang Trung; TS. Trần Văn Quyết; TS. Nguyễn Hữu Thọ; TS. Kiều Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Ngọc Lý; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Đoàn Thị Mai - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng kết kinh nghiệm trong và ngoài nước về hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho hộ gia đình, đặc biệt là hộ nghèo nhằm cung cấp những luận cứ khoa học và xây dựng khung phân tích cho đề tài. Phân tích thực trạng tài chính và ước lượng nhu cầu vốn vay của hộ gia đình trên địa bàn khu vực nghiên cứu; các luồng thu nhập, chi tiêu của hộ gia đình, làm cơ sở thiết kế và đánh giá các gói tín dụng, tiết kiệm; những rào cản trong tiếp cận tín dụng của các hộ gia đình. Ước lượng, đánh giá ảnh hưởng của những rào cản tín dụng tới kết quả sản xuất kinh doanh của hộ gia đình và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng của các tổ chức tín dụng trong việc cung cấp vốn vay phát triển kinh tế hộ. Đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn trong tiếp cận vốn vay, góp phần phát triển kinh tế hộ và xây dựng nông thôn mới ở địa bàn nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 16835

75993. 06-2021. **Nghiên cứu đề xuất một số chính sách thu hút khu vực tư nhân vào đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác**/ TS. Trần Văn Đạt, PGS.TS. Đoàn Thế Lợi; TS. Đặng Ngọc Hạnh; ThS. Ngô Quí Phú; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Bùi Thị Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Mạnh Ngọc; TS. Nguyễn Hữu Dũng; TS. Nguyễn Đức Việt - Hà Nội - Viện kinh tế và quản lý thủy lợi, 2019 - 05/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá hiện trạng thủy lợi, thực trạng cơ chế chính sách, làm rõ các cản trở, khó khăn thách thức khi khu vực tư nhân tham gia vào đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Đánh giá tiềm năng, nhu cầu đầu tư của khu vực tư nhân tham gia xây dựng và quản lý công trình thủy lợi, cung cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Đề xuất cơ chế, chính sách thu hút khu vực tư nhân tham gia vào đầu tư xây dựng các hệ thống thủy lợi, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cung cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Thử nghiệm áp dụng một số cơ chế, chính sách đề xuất

thu hút sự tham gia đóng góp của khu vực tư nhân trong đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Số hồ sơ lưu: 16843

76025. 06-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam sang thị trường châu Âu**/ TS. Nguyễn Việt San, ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng; ThS. Phan Lệ Thu; ThS. Cao Phương Lan; ThS. Tạ Thu Hà; ThS. Nguyễn Thắng Vượng; TS. Vũ Thị Lộc; ThS.Đặng Thanh Phương; CN. Trương Thu Hiền - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số vấn đề về năng lực xuất khẩu hàng công nghiệp sang thị trường châu Âu. Thực trạng năng lực xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam sang thị trường châu Âu. Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao năng lực xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam sang thị trường châu Âu đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 16877

50202. Kinh doanh và quản lý

75915. 06-2021. **Nghiên cứu và xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng**/ TS. Nguyễn Tấn Vinh, TS. Võ Hữu Phước 2; TS. Nguyễn Thị Oanh 3; ThS. Phan Hoàng Ngọc Anh 4; ThS. Phạm Tiến Bắc; CN. Hứa Huy Hoàng; TS. Phạm Văn Phong; ThS. Phạm Kim Quang; ThS. Nguyễn Văn Tuấn - Lâm Đồng - Học viện Chính trị khu vực II, 2019 - 10/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng và xác định tiềm năng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng 02 mô hình áp dụng vào việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hình thành và phát triển bền vững loại hình du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng.Một là, nghiên cứu đánh giá thực trạng và xác định tiềm năng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng.Làm rõ những vấn đề lý luận về phát triển sản phẩm du lịch dựa vào cộng đồng trên đặc thù văn hóa, truyền thống, địa lý và vai trò của phát triển sản phẩm du lịch này đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá tiềm năng và thực trạng du lịch dựa vào cộng đồng của tỉnh Lâm Đồng. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng phát triển sản phẩm du lịch dựa trên đặc thù văn hóa, truyền thống, địa lý, văn hóa, dân tộc. Xác định rõ những đặc thù văn hóa, truyền thống và địa lý của Lâm Đồng phù hợp với phát triển du lịch dựa vào cộng đồng trong thời gian vừa qua, chỉ rõ thành tựu, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức của du lịch dựa vào cộng đồng tại Lâm Đồng.Hai là, xây dựng 02 mô hình áp dụng vào việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-007

75991. 06-2021. **Xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp - Thực trạng và giải pháp**/ TS. Nguyễn Chí Công, ThS. Phạm Thị Ban; ThS. Nguyễn Văn Tùng; CN. Hoàng Thị Kiểm; ThS. Chu Thành Quang; Hoàng Thị Thúy Vinh; ThS. Phan Thị Thu Hà; CN. Hoàng Thị Song Mai; ThS. Bùi Sỹ Khánh; ThS. Lê Thế Phúc - Hà Nội - Tòa án Nhân dân Tối cao, 2019 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá lý luận chung về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm ý tế, bảo hiểm thất nghiệp (BHXH, BHYT, BHTN) cũng như thực tiễn ở nước ta trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước cũng như việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 16840

76010. 06-2021. **Quản trị rủi ro ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam**/ TS. Bùi Tín Nghị, PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; ThS. Tô Thị Diệu Loan; ThS. Lại Thị Thanh Loan; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Đỗ Thu Hằng; TS. Đoàn Ngọc Thắng; ThS. Trần Thị Thu Hường; ThS. Nguyễn Tuyết Dương; ThS. Nguyễn Xuân Hiệp - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được cơ sở lý luận về hoạt động ngoại bảng, rủi ro hoạt động ngoại bảng và quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng của ngân hàng thương mại (NHTM). Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản trị rủi ro ngoại bảng của NHTM. Thực trạng hoạt động ngoại bảng và quản trị RR hoạt động ngoại bảng tại các NHTM Việt nam. Đề xuất một số khuyến nghị khả thi (tầm vĩ mô và vi mô) đối với quản trị rủi ro hoạt động ngoại bảng của NHTM Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16878

76050. 06-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam**/ ThS. Trần Hải Nam, ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Tô Thị Hồng; ThS. Lê Thị Hương Thơm; CN. Đinh Thị Thu Hiền; ThS. Kiều Thị Liên; CN. Trịnh Thị Nguyệt Ánh - Hà Nội - Vụ Bảo hiểm xã hội, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về bảo hiểm xã hội (BHXH) và thực hiện chính sách BHXH. Kinh nghiệm của các nước trong việc tổ chức thực hiện chính sách BHXH đối với người lao động (NLĐ) nước ngoài. Đồng thời, cung cấp về thực trạng tổ chức thực hiện chính sách BHXH bắt buộc ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở dự báo về tình hình lao động nước ngoài làm việc ở Việt Nam thời gian tới và tình trạng tham gia BHXH bắt buộc khi chính sách có hiệu lực đề xuất một số nội dung về tổ chức thực hiện đối với NLĐ nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16900

76529. 06-2021. **Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm soát hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./** PGS. TS. Trần Ngọc Đức, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân, 2018 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu khung lý thuyết về kiểm soát hoạt động chuyển giá. Nhận diện các hình thức chuyển giá của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Làm rõ thực trạng quản lý nhà nước về kiểm soát hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất giải pháp củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm soát hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-042-2020

503. Khoa học giáo dục

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

74643. 06-2021. **Mô hình vận động viên cấp cao một số môn thể thao trọng điểm hướng đến ASIAD và Olympic (cử tạ, bơi lội, điền kinh, thể dục dụng cụ, bắn súng)**/ GS.TS. Lê Quý Phượng, PGS.TS. Lê Đức Chương; PGS.TS. Đặng Hà Việt; PGS.TS. Bùi Trọng Toại; PGS.TS. Đỗ Trọng Thịnh; PGS.TS. Vũ Việt Bảo; TS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2018 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mô hình vận động viên cấp cao các môn: cử tạ, bơi lội, điền kinh, bắn súng, thể dục dụng cụ hướng tới ASIAD và Olympic. Xây dựng mô hình tuyển chọn vận động viên năng khiếu, tài năng (cử tạ, bơi lội, điền kinh, bắn súng, thể dục dụng cụ) nhằm chuẩn bị lực lượng vận động viên kế thừa ở các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 16535

75958. 06-2021. **Nghiên cứu các giải pháp hợp tác công tư có hiệu quả trong giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam**/ TS. Phan Sỹ Nghĩa, ThS. Nguyễn Thế Mạnh; TS. Hoàng Ngọc Vinh; TS. Nguyễn Quang Việt; TS. Khương Thị Nhàn; PGS.TS. Hoàng Thị Minh Phương; ThS. Lê Anh Đức; ThS. Nguyễn Tiến Hưng - Hà Nội - Hiệp hội giáo dục nghề nghiệp và Nghề Công tác xã hội việt Nam, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc về hợp tác công tư trong giáo dục và giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng hợp tác công tư trong giáo dục và giáo dục nghề nghiệp Việt Nam. Đề xuất các hình thức, mô hình, giải pháp thực hiện hợp tác công tư có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16809

75975. 06-2021. **Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu lao động các khu công nghiệp**/ TS. Nguyễn Hồng Minh, ThS. Bùi Thị Thanh Nhàn; TS. Vũ Xuân Hùng; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Dương Thành Trung; ThS. Đỗ Văn Giang; ThS. Đặng Đức Thuận; CN. Nguyễn Hoàng Hiếu; ThS. Vi Thị Hồng Minh; ThS. Phùng Lê Khanh - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lí luận về nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu lao động các khu công nghiệp. Kinh nghiệm quốc tế về nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp lao động các khu công nghiệp. Đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu lao động các khu công nghiệp. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu lao động tại các khu công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16829

76004. 06-2021. **Đảm bảo chất lượng đào tạo đại học tiếp cận khung đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học Asean (AUN-QA))**/ PGS.TS. Lê Thanh Hà, TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh; TS. Lê Mỹ Phong; TS. Hà Xuân Hùng; PGS.TS. Cao Hùng Phi; ThS. Trần Sỹ Long; ThS. Trần Quang Thanh; TS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Đinh Việt Hùng; TS. Vũ Hồng Phong - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về khung đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học của mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đánh giá thực trạng đảm bảo chất lượng giáo dục ở các trường đại học thuộc Bộ, từ đó vận dụng hệ thống tiêu chí đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục theo AUN-QA tại Trường Đại học Lao động Xã hội. Đề xuất các giải pháp, lộ trình và điều kiện ứng dụng khung đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN(AUN-QA) cho trường Đại học Lao động - Xã hội.

Số hồ sơ lưu: 16858

76034. 06-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2030**/ TS. Nguyễn Văn Dũng, PGS.TS. Trần Trung; PGS.TS. Nguyễn VĩnhThanh; TS. Hoàng Hữu Bình; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Trần Hậu Thành; TS. Tạ Quang Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; TS. Giang Khắc Bình - Hà Nội - Học viện Dân tộc, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức. Phân tích, đánh giá thực trạng các chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc hiện có; đánh giá những kết quả, thành tựu, hạn

chế, khoảng trống kiến thức về công tác dân tộc của cán bộ, công chức, viên chức cần bồi dưỡng. Xác định nhu cầu bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc, nhiệm vụ của công tác bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc trong bối cảnh trong nước và quốc tế. Đề xuất chương trình, phương pháp giảng dạy, giải pháp và cơ chế chính sách tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo 4 nhóm đối tượng (theo Quyết định 402/2016/QĐ-TTg) đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 16887

76052. 06-2021. **Đổi mới quản trị trường đại học khối sư phạm kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo**/ PGS.TS. Hoàng Thị Minh Phương, TS. Phan Thị Tâm; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thơm; ThS. Thái Anh Tuấn; TS. Cao Danh Chính; PGS.TS. Cao Hùng Phi; GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Nghệ An - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản trị trường đại học sư phạm kỹ thuật (SPKT). Kinh nghiệm mô hình quản trị trường đại học của một số quốc gia trên thế giới. Khảo sát thực trạng mô hình quản trị trường đại học ở 5 trường đại học sư phạm kỹ thuật gồm: Trường ĐHSPKT Hưng Yên, Trường ĐHSPKT Nam Định, Trường ĐHSPKT Vinh, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, Trường ĐHSPKT TP. Hồ Chí Minh. Đề xuất các giải pháp đổi mới quản trị trường đại học khối SPKT.

Số hồ sơ lưu: 16883

76705. 06-2021. **Giải pháp đào tạo liên kết giữa các trường dạy nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các tỉnh miền Đông Nam Bộ**/ TS. Bùi Văn Hưng, TS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Trần Viết Phú; TS. Bùi Văn Hồng; KS. Ngô Bá Tôn - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ TP.HCM (nay là trường Cao đẳng nghề Kỹ nghệ II), 2015 - 01/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng về đào tạo liên kết giữa các trường dạy nghề. Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác đào tạo, đào tạo liên kết giữa các trường trong thời gian qua. Đề xuất các giải pháp đào tạo liên kết giữa các trường dạy nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các tỉnh Miền Đông Nam Bộ. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi các giải pháp đã đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 16874

76739. 06-2021. **Thực trạng, nguyên nhân và biện pháp rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Văn Sơn, Trần Thị Thu Mai; Nguyễn Thị Minh Hồng; Bùi Hồng Quân; Lê Quỳnh Chi; Nguyễn Vĩnh Khương; Mai Mỹ Hạnh; Sầm Vĩnh Lộc; Nguyễn Thị Diễm My; Đỗ Tất Thiên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về kĩ năng mềm, việc rèn luyện kĩ năng mềm cho sinh viên đại học.Tìm hiểu thực trạng rèn luyện kĩ năng mềm cho sinh viên các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh và một số nguyên nhân của thực trạng trên. Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp rèn luyện kĩ năng mềm cho sinh viên các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-077-2020

50302. Giáo dục chuyên biệt

76013. 06-2021. **Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình đào tạo nghề nghiệp có hiệu quả đối với người khuyết tật**/ ThS. Nguyễn Quang Hưng, ThS. Bùi Thị Thanh Nhàn; TS. Vũ Xuân Hùng; ThS. Phạm Xuân Thu; TS. Nguyễn Quang Việt; ThS. Đinh Xuân Thành; ThS. Phan Thị Hằng; ThS. Lê Hồng Linh; ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Tiến Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích rõ về mặt lý luận đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật, phù hợp với các dạng tật của người khuyết tật. Kinh nghiệm xây dựng mô hình đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật ở một số nước trên thế giới. Đánh giá thực trạng việc đào tạo nghề cho người khuyết tật và một số mô hình đào tạo nghề cho người khuyết tật ở nước ta. Đề xuất một số mô hình đào tạo nghề nghiệp có hiệu quả đối với người khuyết tật.

Số hồ sơ lưu: 16864

504. Xã hội học

50401. Xã hội học nói chung

75933. 06-2021. **Gia đình trung lưu ở Việt Nam với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa**/ GS.TS. Trịnh Duy Luân, ThS. Lê Thị Hồng Hải; GS.TS. Nguyễn Đình Tấn; TS. Lưu Hồng Minh; TS. Bùi Thị Thanh Hà; PGS.TS. Lê Ngọc Văn; PGS.TS. Nguyễn Xuân Mai; TS. Phạm Quỳnh Hương; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Nguyễn Thị Thùy Linh - Hà Nội - Hội Xã hội học Việt Nam, 2018 - 04/2016 - 04/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu về tầng lớp trung lưu (TLTL) và gia đình trung lưu (GĐTL) ở phương Tây, châu Á và của các tác giả Việt Nam, đưa ra định nghĩa về TLTL và GĐTL trong điều kiện Việt Nam, chỉ ra các chỉ báo cụ thể để xác định và đo lường quy mô của chúng. Chỉ ra các đặc điểm cơ bản của GĐTL ở Việt Nam hiện nay, theo các chỉ báo nhân khẩu - xã hội, theo cấu trúc phân tầng nghề nghiệp xã hội và theo các địa bàn nghiên cứu; các quan hệ gia đình cơ bản, văn hóa lối sống của GĐTL theo các biến số: cấu trúc xã hội nghề nghiệp, cấu trúc phân tầng, cấu trúc vùng miền,… Thông qua phân tích thái độ và hành vi của các GĐTL, chỉ ra vai trò của GĐTL với các qúa trình phát triển kinh tế -xã hội và văn hóa ở Việt Nam. Phân tích các yếu tố vĩ mô như đường lối đổi mới, chính sách mở cửa hội nhập và phát triển nên kinh tế thị trường định hướng XHCN, sự phân tầng xã hội và di động xã hội –

đã và đang góp phần hình thành nên TLTL và các GĐTL ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm phát huy vai trò của các GĐTL trong sự phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16842

76464. 06-2021. **Thực trạng và một số giải pháp xây dựng đời sống văn hóa nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020, định hướng 2030**/ TS. Nguyễn Văn Quyết, PGS.TS Lương Hồng Quang; TS. Phan Thanh Kiều; CN. Lương Thúy Nga; ThS. Nguyễn Xuân Thanh; ThS. Lưu Ngọc Tuấn; ThS. Phan Thị Như Quỳnh; ThS. Đặng Quang Tài; CN. Nguyễn Bích Ngọc. - Đồng Nai - , 2020 - 03/2013 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục đích của đề tài là đánh giá hiện trạng đời sống văn hóa nông thôn hiện nay trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở đó, đề tài giúp cho chính quyền địa phương các giải pháp và chính sách xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn, một số mô hình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cho các cộng đồng nông thôn; giúp cho các cộng đồng dân cư nông thôn ở Đồng Nai bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời giao lưu, tiếp thu những văn hóa tiến bộ, phù hợp cũng như phòng chống những văn hóa xấu, ảnh hưởng sự phát triển trong quá trình giao lưu; góp phần tích cực vào việc triển khai hiệu quả Đề án của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển văn hóa nông thôn đến 2015, định hướng đến năm 2020, vào quá trình xây dựng nông thôn mới trong quá trình CNH, HĐH ở Đồng Nai.

Số hồ sơ lưu: DNI-2020-06

50404. Dân tộc học

76677. 06-2021. **Thực trạng và giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng dân tộc thiểu số (Chăm, Hoa, Khmer) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030**/ TS. Nguyễn Thị Bích Thu, PGS. TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Phí Hùng Cường; ThS. Phan Văn Cương; ThS. Hoàng Kiều Ngân - TP. Hồ Chí Minh - Học viện Dân tộc, 2019 - 08/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống và đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) (Chăm, Hoa Khmer) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đánh giá hiệu quả tác động của chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS (duy trì, thực hành văn hóa truyền thống) trên địa bàn TP Hồ Chí Minh. Dự báo, đề xuất giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng các DTTS trên địa bàn thành phố từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HCM-064-2020

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

76017. 06-2021. **Biến đổi gia đình trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng đến phát triển bền vững ở Việt Nam**/ PGS.TS. Vũ Tuấn Huy, ThS. Phan Thị Song Thương; TS. Lương Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Đức Vinh; CN. Đỗ Thị Ngân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2019 - 12/2014 - 11/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích thực trạng những biến đổi cơ cấu, chức năng của gia đình Việt Nam và những yếu tố tác động đến quá trình biến đổi gia đình Việt Nam. Đề tài tập trung vào hai chức năng cơ bản của gia đình là chức năng kinh tế và chức năng xã hội hóa trẻ em. Những vấn đề đặt ra trong biến đổi gia đình có liên quan và ảnh hưởng như thế nào đến phát triển bền vững ở nước ta giai đoạn 2011-2020. Trên cơ sở đó, đưa ra các khuyến nghị chính sách nhằm hướng đến phát triển bền vững ở cả hai cấp độ gia đình và xã hội.

Số hồ sơ lưu: 16876

76027. 06-2021. **Giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống người cao tuổi Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thế Huệ, TS. Đàm Hữu Đắc; TS. Hoàng Hữu Bình; TS. Nguyễn Quốc Anh; TS. Phạm Vũ Hoàng; PGS.TS. Đặng Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thế Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu người cao tuổi Việt Nam, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chất lượng cuộc sống người cao tuổi (NCT). Đánh giá thực trạng chất lượng cuộc sống NCT ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, lộ trình và điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống NCT Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16873

76040. 06-2021. **Những yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc của con người**/ PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà, TS. Trương Quang Lâm; PGS.TS. Hoàng Mộc Lan; PGS.TS. Trịnh Thị Linh; ThS. Trần Hà Thu; TS. Nguyễn Thị Anh Thư - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý luận về cảm nhận hạnh phúc và những yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của con người. Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu: Tổng quan về các công cụ nghiên cứu cảm nhận hạnh phúc và các yếu tố ảnh hưởng ở trong nước và nước ngoài, trên cơ sở đó lựa chọn, xây dựng bộ công cụ nghiên cứu; khảo sát thử, chỉnh sửa bộ công cụ nghiên cứu để đảm bảo độ tin cậy của các thang đo. Khảo sát thực trạng cảm nhận hạnh phúc và các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của người dân thuộc các nhóm lứa tuổi, nghề nghiệp, mức sống, trình độ học vấn, thái độ xã hội và các đặc điểm nhân cách khác nhau. So sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các nhóm khách thể. Đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao cảm nhận hạnh phúc của con người trong bối cảnh công nghiệp hóa hiện nay. Đề tài tập trung giải

quyết là nghiên cứu thực trạng cảm nhận hạnh phúc của trẻ vị thành niên, thanh niên sinh viên và người trưởng thành.

Số hồ sơ lưu: 16901

76727. 06-2021. **Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**/ ThS. Mai Thị Quế, ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Lê Hồng Ngọc Bích; TS. Lê Thị Mỹ Hà; CN. Nguyễn Thái Đặng Hồng Ân; ThS. Lê Chu Giang; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; ThS. Phạm Hoàng Phước; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Hồ Thị Luấn - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích nhu cầu trợ giúp xã hội của đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) tại TP.HCM. Phân tích nội dung chính sách trợ giúp xã hội (TGXG) cho đối tượng BTXH đang được thực hiện ở TP.HCM. Đánh giá kết quả đạt được của chính sách TGXH cho đối tượng BTXH trên các mặt tính hiệu lực, tính hiệu quả, tính bền vững về tài chính, khả năng huy động sự tham gia của các chủ thể vào quá trình chính sách. Phân tích những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn TP.HCM. Đề xuất các giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện chính sách TGXH cho đối tượng BTXH.

Số hồ sơ lưu: HCM-072-2020

505. Pháp luật

75952. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương**/ ThS. Đỗ Tiến Thành, ThS. Nguyễn Hữu Hạnh; ThS. Đặng Thị Thu Hương; ThS. Dương Tôn Bảo; ThS. Nguyễn Huy Kháng; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; CN. Lê Việt Hưng - Hà Nội - Cục Tin học hóa, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ kết nối giữa cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia với cổng DVC, hệ thống một cửa điện tử (MCĐT) cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Quy chuẩn này đảm bảo cơ sở hỗ trợ triển khai kết nối giữa các hệ thống thông tin nói trên đồng bộ, thống nhất, hiệu quả là nhiệm vụ thiết thực phù hợp tinh thần của Nghị định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và nhu cầu thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16812

76018. 06-2021. **Nhân rộng áp dụng tiêu chuẩn về Yêu cầu kỹ thuật đối với chất lượng sản phẩm hàn (ISO 3834) với ISO 9001 cho các doanh nghiệp cơ khí chế tạo/** ThS. Lê Khánh Tường, ThS. Đỗ Hải Tĩnh; KS. Nguyễn Gia Vinh; ThS. Vũ Văn Mạnh; ThS. Lê Văn Sơn; KS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Nguyễn Hoàng Giang; KS. Đỗ Hải Phúc; KS. Đào Mạnh Dũng; KS. Nguyễn Duy Ninh; KS. Đầu Mạnh Quỳnh; ThS. Vương Thanh Phương; CN. Vũ Thị Hoa; CN. Lê Thị Khánh Ly; CN. Phùng Thị Tuyết Nhung; CN. Nguyễn Thu Hà; CN. Đỗ Thị Vân Anh - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo và Chuyển giao công nghệ Việt - Đức (Nay là Trung tâm chuyển giao công nghệ Việt - Đức), 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tư vấn, hướng dẫn 30 doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 3834 tích hợp ISO 9001 để nâng cao năng suất chất lượng. Từ việc hướng dẫn cho các doanh nghiệp được lựa chọn, dần dần nâng cao nhận thức về việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế ra cộng đồng các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trong cả nước; tạo bước chuyển biến về nhận thức, phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí. Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và phát triển bền vững doanh nghiệp cũng như nền kinh tế của cả nước. Truyền bá đến các doanh nghiệp về lợi ích và mức cần thiết của việc áp dụng HTQLCL ISO 3834 tích hợp ISO 9001.

Số hồ sơ lưu: 16890

50501. Luật học

74697. 06-2021. **Thực hiện pháp luật kinh doanh của doanh nghiệp ở nước ta hiện nay/** PGS.TS. Phạm Hữu Nghị, TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; PGS.TS. Nguyễn Như Phát; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Trần Văn Biên; TS. Bùi Đức Hiển; TS. Đỗ Thị Kim Tiên; TS. Viên Thế Giang; ThS. Chu Thị Thanh An; ThS. Nguyễn Thu Dung; ThS. Phạm Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hường - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn thực hiện pháp luật kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay trong một số lĩnh vực. Yêu cầu, xác định quan điểm và đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện pháp luật kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16552

506. Khoa học chính trị

75970. 06-2021. **Vai trò của Trung Quốc và Mỹ đối với an ninh Đông Á từ sau Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc: Tác động và dự báo/** TS. Lê Văn Mỹ, GS.TS. Đỗ Tiến

Sâm; TS. Đỗ Minh Cao; TS. Phạm Cao Cường; TS. Vũ Thùy Dương; ThS. Trần Thị Hải Yến; ThS. Hà Thu Thủy; CN. Nguyễn Thị Ánh Thuận - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện và làm rõ vai trò của Trung Quốc và Mỹ đối với cấu trúc và các vấn đề an ninh đang nổi lên ở khu vực Đông Á. Nhìn nhận xu thế vận động và tác động của tiến trình trên đối với khu vực và Việt Nam. Phân tích và nêu rõ chiến lược và chính sách của một số cường quốc lớn trong bối cảnh an ninh khu vực dưới tác động của Trung Quốc và Mỹ. Từ đó, đưa ra những gợi mở về mặt chính sách đối với Việt Nam nhằm hợp tác và ứng phó tốt hơn đối với những chuyển biến của tình hình an ninh khu vực.

Số hồ sơ lưu: 16851

76451. 06-2021. **Đánh giá công tác bảo đảm an ninh, trật tự của Thủ đô Hà Nội nhiệm kì Đại hội XVI (2015-2020), định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**/ ThS. Nguyễn Quang Huy, ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Thế Toàn; ThS. Nguyễn Tự Cấp; PGS.TS. Bạch Thành Định; PGS.TS. Phạm Xuân; PGS.TS. Võ Văn Hải; Đại tá.Trần Ngọc Dương; Thiếu tướng. Nguyễn Xuân Yên; ThS. Trần Văn Khâm; CN. Nguyễn Hữu Bảo; ThS. Phí Minh Hải; CN. Trần Thị Kim Nhung; CN. Tô thiên Nga; ThS. Nguyễn Đăng Khuyến; CN. Nguyễn Thị Ánh Thu; CN. Nguyễn Thị Mai Hương; CN. Cấn Huy Kiên; ThS. Nguyễn Quốc Huy; CN. Nguyễn Yến Ngọc; CN. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Hoàng Thị Nguyệt Minh; CN. Lê Thùy Dung; Trung tá. Lê Xuân Khánh; Đại tá. Phùng Chí Cao; CN. Đại tá. Hoàng Đức Sinh ương - Hà Nội - Ban Nội chính Thành ủy Hà Nội, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở lý luận về quốc phòng, an ninh của Thủ đô. Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội của Thủ đô giai đoạn 2015 – 2020. Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác quốc phòng của Thủ đô. Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác an ninh của Thủ đô. Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội của Thủ đô. Nghiên cứu dự báo tình hình, những nhân tố tác động đến công tác quốc phòng, an ninh của Thủ đô. Nghiên cứu đề xuất định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-48/ĐK-TTTT&TK

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

75953. 06-2021. **Nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí đối với cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh**/ CN. Lê Nhật, TS. Nguyễn Thành Phúc; ThS. Trần Quốc Tuấn; CN. Đinh Hoàng Long; ThS. Mai Thùy Ngân; CN. Đỗ Lập Hiển; ThS.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Lương Thị Kim Thanh - Hà Nội - Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Mặc dù đã có một số quy định về chức năng, tính năng và các yêu cầu phi chức năng khác của cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử, tuy nhiên, do sự thay đổi của các quy định của pháp luật, nhà nước. Sự thay đổi của công nghệ (hiện đại hơn, khả năng kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu dễ dàng, thuận tiện hơn...) và thay đổi về các nhu cầu của người sử dụng (cá nhân/tổ chức và các cơ quan nhà nước). Yêu cầu về an toàn bảo mật, hiệu năng hệ thống và trải nhiệm người dùng ngày càng cao nên đề tài nghiên cứu, đề xuất ra một bộ tiêu chí toàn diện, thống nhất đối với cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 16814

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

74700. 06-2021. **Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp**/ TS. Nguyễn Đình Hòa, ThS. Trịnh Thị Hằng; PGS.TS. Đặng Hữu Toàn; TS. Trần Tuấn Phong; TS. Đào Thị Minh Thảo; PGS.TS. Vũ Văn Viên; PGS.TS. Ngô Đình Xây; PGS.TS. Nguyễn Minh Hoàn; PGS.TS. Lương Thanh Hân - Hà Nội - Viện Triết học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về thực hiện dân chủ trong Đảng. Phân tích thực trạng thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta trong thời gian qua. Đề xuất và luận giải một số giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện dân chủ trong Đảng trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16556

507. Địa lý kinh tế và xã hội

75967. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long; Thí điểm tại một huyện điển hình**/ PGS.TS. Vũ Thị Mai, PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân; GS.TS. Trần Thọ Đạt; PGS.TS. Phạm Thúy Hương; TS. Phạm Thị Bích Ngọc; TS. Ngô Quỳnh An; ThS. Hoàng Thị Huệ; TS. Bùi Thị Phương Loan; TS. Tô Văn Thanh; TS. Mai Văn Khiêm - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng một số mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá hiệu quả mô hình trình diễn phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn cho một huyện điển hình vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở tận dụng cơ hội, chuyển hóa các thách thức từ xâm nhập mặn để phát triển kinh tế - xã hội. Xác định điều kiện, giải pháp, quy trình thực hiện và chuyển giao mô hình kinh tế xanh cho các huyện

bị xâm nhập mặn tương tự trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 16817

508. Thông tin đại chúng và truyền thông

75984. 06-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường vai trò của các cơ quan báo chí trong công tác quảng bá hình ảnh Việt Nam**/ CN. Đoàn Công Huynh, ThS. Nguyễn Thị Hoa Mai; ThS. Nguyễn Văn Thuật; CN. Đặng Thị Khánh Hòa; ThS. Bùi Thị Thu Hà; CN. Thái Thị Cẩm Vân; ThS. Nguyễn Huyền Trang - Hà Nội - Cục Thông tin đối ngoại, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường vai trò của các cơ quan báo chí trong công tác quảng bá hình ảnh Việt Nam là rất cần thiết. Phục vụ công tác xây dựng chiến lược quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới thông qua các phương tiện truyền thông. Thúc đẩy vai trò của các cơ quan báo chí trong việc quảng bá hình ảnh đất nước; tạo dựng, quảng bá hình ảnh Việt Nam, góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo dựng uy tín, củng cố niềm tin của Việt Nam với quốc tế. Góp phần xử lý và hạn chế khủng hoảng truyền thông; hạn chế những thông tin, hình ảnh tiêu cực về đất nước, con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 16838

599. Khoa học xã hội khác

74643. 06-2021. **Mô hình vận động viên cấp cao một số môn thể thao trọng điểm hướng đến ASIAD và Olympic (cử tạ, bơi lội, điền kinh, thể dục dụng cụ, bắn súng)**/ GS.TS. Lê Quý Phượng, PGS.TS. Lê Đức Chương; PGS.TS. Đặng Hà Việt; PGS.TS. Bùi Trọng Toại; PGS.TS. Đỗ Trọng Thịnh; PGS.TS. Vũ Việt Bảo; TS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, 2018 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mô hình vận động viên cấp cao các môn: cử tạ, bơi lội, điền kinh, bắn súng, thể dục dụng cụ hướng tới ASIAD và Olympic. Xây dựng mô hình tuyển chọn vận động viên năng khiếu, tài năng (cử tạ, bơi lội, điền kinh, bắn súng, thể dục dụng cụ) nhằm chuẩn bị lực lượng vận động viên kế thừa ở các năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 16535

74680. 06-2021. **Quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động ở Việt Nam trong điều kiện thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)**/ PGS.TS. Vũ Quang Thọ, TS. Vũ Minh Tiến; TS. Bùi Sỹ Lợi; TS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; TS. Lê Huy Khôi; TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Phạm Thị Thu Hằng; PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí; TS. Đỗ Quỳnh Chi - Hà Nội - Viện Công nhân và Công đoàn, 2019 - 09/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa, bổ sung, phát triển cơ sở lý luân và thưc tiễn về cơ chế thực hiện quyền tự do liên kết và thiết chế đai diện trong quan hệ lao động theo yêu cầu của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Xác định thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức trong việc đảm bảo quyền tự do liên kết, thiết chế đại diên trong quan hệ lao đông theo yêu cầu của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Đề xuất giải pháp về chính sách, mô hình thiết chế hay về thực thi quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động theo yêu cầu của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương một cách có lợi nhất cho Viêt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16545

6. Khoa học nhân văn

602. Ngôn ngữ học và văn học

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

75988. 06-2021. **Nghiên cứu xây dựng từ điển về lĩnh vực công tác dân tộc ở Việt Nam**/ PGS.TS. Lại Văn Hùng, TS. Đặng Thị Phượng; PGS.TS. Đinh Ngọc Vượng; PGS.TS. Tạ Văn Thông; PGS.TS. Hà Quang Năng; ThS. Nguyễn Thủy Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hảo; ThS. Nguyễn Như Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Bùi Thanh Dũng; TS. Vũ Thị Thanh Minh; PGS.TS. Ngô Quang Sơn; TS. Phạm Quang Linh - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2019 - 08/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra của việc xây dựng từ điển về lĩnh vực công tác dân tộc ở Việt Nam. Hoàn thành bản thảo từ điển về lĩnh vực công tác dân tộc ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp kiến nghị để sử dụng, khai thác, cập nhật, in ấn từ điển về lĩnh vực công tác dân tộc ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16850

60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam

74633. 06-2021. **Tự truyện và tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 nhìn từ phê bình phân tâm học**/ TS. Vũ Thị Trang, PGS.TS. Đỗ Lai Thúy; TS. Nguyễn Mạnh Tiến; TS. Đỗ Hải Ninh; ThS. Nông Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sự hình thành, phát triển và ảnh hưởng đến các ngành khoa học xã hội của học thuyết phân tâm học, từ đó chỉ ra cơ sở lý luận của phê bình phân tâm học. Tổng hợp tài liệu, lý giải ba khuynh hướng phê bình phân tâm học một cách bao quát và logic theo lý thuyết hệ hình. Dùng lý thuyết đã tổng hợp nghiên cứu trường hợp cụ thể với hai thể loại tiểu thuyết và tự truyện Việt Nam ở giai đoạn sau 1986. Đề xuất một số giải pháp về việc nghiên cứu và ứng dụng các lý thuyết phê bình trong nghiên cứu văn học, đặc biệt là các lý thuyết phê bình phương tây hiện đại trong bối cảnh văn hóa Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16536

603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo

60305. Nghiên cứu tôn giáo

74644. 06-2021. **Phật giáo Việt Nam trong đời sống văn hóa và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới**/ TS. Nguyễn Phúc Đàn, TS. Lương Công Quyết; CN. Lương Gia Tĩnh; TS. Nguyễn Tài Đông; ThS. Trần Anh Châu; ThS. Nguyễn Văn Thanh; ThS. Trần Thị Thúy Ngọc; CN. Hà Hữu Nam; CN. Nguyễn Thu Dung; CN. Phạm Thị Phương Anh; CN. Võ Cao Thắng; TS. Trần Ngọc Hằng; TS. Trần Văn Cát; CN. Hoàng Công Tiệp; CN. Nguyễn Hoa Phong; CN. Hoàng Đình Đức; CN. Đỗ Thị Thanh Loan; CN. Chu Thanh Sơn; CN. Lê Quốc Hội - Hà Nội - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, 2016 - 11/2011 - 10/2014. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng những vai trò tích cực của Phật giáo đối với việc xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng khối đại đoàn kết trong tiến trình lịch sử dân tộc, nhất là trong giai đoạn đổi mới đất nước. Đồng thời đề ra những quan điểm, mục tiêu, giải pháp cụ thể có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Từ đó góp phần tiếp tục phát huy truyền thống "Hộ quốc an dân" của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới và vai trò của Phật giáo trong xây dựng đời sống văn hóa và thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Số hồ sơ lưu: 16539

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: http://dangkykqnv.vista.gov.vn/;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).

- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,…); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*